

CÂU HỎI ÔN TẬP(QP2)

HỌC PHẦN: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, AN NINH

Số tín chỉ: 02

(Dùng cho sinh viên hệ không chuyên)

A1 (45 câu)

Câu 1. Chủ quyền quốc gia là đặc trưng như thế nào của một quốc gia?

- A, Quan trọng, chiến lược
- B, Chiến lược, cơ bản
- C, Cơ bản, quan trọng nhất
- D, Chiến lược, cực kỳ quan trọng

Đáp án: C

Câu 2. Chủ quyền của một quốc gia bao gồm những nội dung cơ bản nào?

- A, Quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp
- B, Quyền được tự do của dân tộc
- C, Quyền được bảo vệ lãnh thổ, quốc gia
- D, Quyền tối cao trong lãnh thổ

Đáp án: A

Câu 3. Chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia có ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc ta?

- A, Thiêng liêng, bất khả xâm lược
- B, Thiêng liêng, bất khả xâm phạm
- C, Thiêng liêng, không thể xâm lược
- D, Thiêng liêng, không thể xâm phạm

Đáp án: B

Câu 4. Lãnh thổ của một quốc gia được cấu thành bởi những bộ phận nào?

- A, Vùng đất, vùng biển, vịnh trời, và hệ thống sông, hồ.
- B, Vịnh đất, vịnh biển, vùng trời, vùng lãnh thổ đặc biệt
- C, Vùng lãnh hải, nội thủy, vùng đất và vùng trời
- D, Đại sứ quán ở nước ngoài, vùng trời, vùng biển, vùng đất

Đáp án: B

Câu 5. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia có vị trí như thế nào đối với chủ quyền của một quốc gia?

- A, Không tách rời
- B, Là chủ quyền quốc gia
- C, Vững chắc, độc lập
- D, Một bộ phận

Đáp án: D

Câu 6. Bờ biển Việt nam dài bao nhiêu Km?

- A, 3250 km
- B, 3260 km
- C, 3620 km
- D, 3520 km

Đáp án: B

Câu 7. Đường biên giới đất liền của Việt Nam tiếp giáp với nước nào là dài nhất?

- A, Trung quốc
- B, Thái lan
- C, Campuchia
- D, Lào.

Đáp án: D

Câu 8. Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia Đảng ta xác định là gì?

- A, Củng cố QP, AN khu vực biên giới vững mạnh toàn diện
- B, Đầu tư và xây dựng khu vực biên giới vững mạnh toàn diện
- C, Xây dựng phát triển xã hội khu vực biên giới vững mạnh
- D, Đầu tư mạnh về Kinh tế, khoa học cho khu vực biên giới

Đáp án: B

Câu 9. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới có vị trí như thế nào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

- A, Là nội dung quan trọng
- B, Là nội dung rất quan trọng
- C, Là nội dung chiến lược
- D, Là nội dung cực kỳ quan trọng

Đáp án: C

Câu 10. Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia Việt Nam là gì?

- A. Bảo vệ sự thống nhất đất nước
- B. Bảo vệ sự thống nhất quốc gia
- C. Bảo vệ sự thống nhất dân tộc
- D. Bảo vệ sự thống nhất lãnh thổ đất nước

Đáp án: D

Câu 11. Vùng biển đặc quyền về kinh tế tính từ đường biên giới quốc gia trên biển ra phía ngoài rộng bao nhiêu hải lý?

- A, Rộng 200 hải lý
- B, Rộng 100 hải lý
- C, Rộng 200 hải lý
- D, Rộng 188 hải lý

Đáp án: C

Câu 12. Lãnh hải là vùng biển rộng bao nhiêu hải lý tính từ đường cơ sở?

- A, Rộng 10 hải lý
- B, Rộng 15 hải lý
- C, Rộng 12 hải lý
- D, Rộng 20 hải lý

Đáp án: C

Câu 13. Lãnh thổ đất liền của nước ta rộng bao nhiêu Km² ?

- A, Rộng 330.689 Km²
- B, Rộng 332.689 Km²
- C, Rộng 331.689 Km²
- D, Rộng 333.689 Km²

Đáp án: C

Câu 14. Đảng, Nhà nước ta chủ trương giải quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia theo quan điểm nào?

- A, Thông qua trao đổi ngoại giao
- B, Thông qua đàm phán hoà bình
- C, Dùng vũ lực của quốc gia
- D, Thông qua thương lượng

Đáp án: B

Câu 15. Nội dung quan trọng hàng đầu xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là gì?

- A, Bảo vệ nền văn hoá quốc gia
- B, Bảo vệ thành quả mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội
- C, Bảo vệ kinh tế, chính trị quốc gia
- D, Xây dựng, phát triển mọi mặt kinh tế, chính trị, VH-XH, quốc phòng, an ninh

Đáp án: D

Câu 16. Lực lượng nào làm nòng cốt trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia?

- A, Lực lượng vũ trang
- B, Công an nhân dân
- C, Quân đội nhân dân
- D, Chính quyền địa phương

Đáp án: A

Câu 17. Biên giới đất liền của Việt Nam tiếp giáp với mấy quốc gia?

- A, Tiếp giáp 2 quốc gia
- B, Tiếp giáp 4 quốc gia
- C, Tiếp giáp 3 quốc gia
- D, Tiếp giáp 5 quốc gia

Đáp án: C

Câu 18. Một trong những biện pháp xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là gì?

- A, Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của Nhà nước
- B, Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của Quân đội
- C, Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của Công an
- D, Sử dụng tổng hợp các lực lượng và biện pháp của LLVT

Đáp án: A

Câu 19. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia có vị trí như thế nào trong tình hình hiện nay?

- A, Là nội dung rất quan trọng
- B, Là nội dung chiến lược
- C, Là nội dung quan trọng
- D, Là nội dung cực kỳ quan trọng

Đáp án: C

Câu 20. Nội dung quan trọng trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia là gì?

- A, Bảo vệ tất cả lợi ích kinh tế
- B, Bảo vệ các lợi ích văn hoá
- C, Bảo vệ toàn bộ an ninh trật tự
- D, Bảo vệ lợi ích của quốc gia

Đáp án: D

Câu 21. Chủ quyền quốc gia là gì?

- A, Quyền lập pháp, hành pháp của quốc gia
- B, Quyền tự quyết của dân tộc
- C, Làm chủ mọi mặt trên lãnh thổ quốc gia
- D, Quyền làm chủ của nhân dân

Đáp án: C

Câu 22. Biên giới quốc gia là gì?

- A, Đường phân chia lãnh thổ quốc gia
- B, Đường phân chia bản đồ lãnh thổ
- C, Đường và mặt xác định giới hạn lãnh thổ
- D, Đường xác định ranh giới lãnh thổ

Đáp án: C

Câu 23. Đường biên giới trên đất liền của nước ta dài bao nhiêu km?

- A, Dài 2550 km
- B, Dài 3550 km
- C, Dài 4550 km
- D, Dài 5550 km

Đáp án: C

Câu 24. Một trong những nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là gì?

- A, Bảo vệ sự toàn vẹn của đất nước
- B, Bảo vệ sự toàn vẹn dân tộc
- C, Bảo vệ toàn vẹn sự an tồn xã hội
- D, Bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ đất liền, biển, đảo

Đáp án: A

Câu 25. Trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, Đảng ta xác định bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia là một nội dung như thế nào?

- A, Đặc biệt quan trọng
- B, Quan trọng hàng đầu

- C, Quan trọng không thể xem thường
- D, Rất quan trọng không thể chủ quan

Đáp án: A

Câu 26. Một trong yếu tố cấu thành một quốc gia là gì?

- A, Các dân tộc, tôn giáo
- B, Hệ thống pháp luật
- C, Quyền lực công cộng
- D, Phương án A và B

Đáp án: C

Câu 28. Một trong yếu tố cấu thành một quốc gia là gì?

- A, Các dân tộc, tôn giáo
- B, Dân cư trên lãnh thổ
- C, Phương án A và D
- D, Các văn bản pháp luật

Đáp án: B

Câu 29. Một trong yếu tố cấu thành một quốc gia là gì?

- A, Các giai cấp các dân tộc
- B, Các vùng lãnh thổ
- C, Quyền lực công cộng
- D, Phương án B và C

Đáp án: D

Câu 30. Đặc trưng cơ bản quan trọng nhất của quốc gia là gì?

- A, Chủ quyền quốc gia
- B, Chủ quyền lãnh thổ quốc gia
- C, Chủ quyền biên giới quốc gia
- D, Quyền lãnh thổ biên giới quốc gia

Đáp án: A

Câu 31. Luật pháp quốc tế quy định cơ bản về chủ quyền quốc gia như thế nào?

- A, Bình đẳng về chủ quyền quốc gia
- B, Bình đẳng về lãnh thổ biên giới quốc gia
- C, Quyền thống nhất về lãnh thổ biên giới
- D, Quyền thống nhất về Hiến pháp, Pháp luật

Đáp án: A

Câu 32. Vùng nước quốc gia trên biển Việt Nam bao gồm?

- A, Nội thủy và lãnh hải
- B, Nội thủy và khu vực cửa sông, cửa biển
- C, Lãnh hải và khu vực sông hồ quốc gia
- D, Lãnh hải và vùng tiếp giáp lãnh hải

Đáp án: A

Câu 33. Vùng đất quốc gia có vị trí ý nghĩa như thế nào đối với quốc gia?

- A, Bộ phận quan trọng nhất cấu thành lãnh thổ quốc gia
- B, Bộ phận quan trọng nhất xác định lãnh thổ quốc gia
- C, Là bộ phận quan trọng nhất xác định biên giới quốc gia
- D, Là bộ phận quan trọng nhất xác định chủ quyền quốc gia

Đáp án: A

Câu 34. Vùng đất quốc gia Việt Nam bao gồm?

- A, Đất liền
- B, Các đảo
- C, Các quần đảo
- D, Cả 3 phương án trên

Đáp án: D

Câu 35. Vùng đất quốc gia Việt Nam bao gồm?

- A, Vùng đất liền
- B, Các đảo
- C, Vùng đất canh tác
- D, Phương án A và B

Đáp án: D

Câu 36. Vùng đất quốc gia Việt Nam bao gồm?

- A, Đất liền
- B, Đất nông nghiệp
- C, Quần đảo
- D, Phương án A và C

Đáp án: D

Câu 37. Qui định về Đường cơ sở do quốc gia hay tổ chức nào xác định và công bố?

- A, Liên Hiệp Quốc
- B, Hiệp hội Asean
- C, Chính phủ Nhà nước

D, Các quốc gia có biển

Đáp án: A

Câu 38. Vùng nước nội thủy của một quốc gia có chế độ pháp lý như thế nào?

A, Như lãnh thổ đất liền

B, Theo luật biển quốc tế

C, Theo quy định của Nhà nước

D, Như vùng nước ở phía trong đường cơ sở

Đáp án: A

Câu 39. Biên giới quốc gia trên biển nằm ở vị trí nào?

A, Ranh giới ngoài của lãnh hải

B, Mép ngoài của thềm lục địa

C, Nằm phía ngoài cách đường cơ sở 200 hải lý

D, Rìa lục địa cách 200 hải lý

Đáp án: A

Câu 40. Vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt gồm?

A, Lãnh thổ tồn tại hợp pháp trong quốc gia khác

B, Lãnh thổ đặc thù tồn tại hợp pháp trên vùng biển và vùng trời quốc tế

C, Vùng lãnh thổ hợp đồng khai thác tài nguyên

D, Phương án A và B

Đáp án: D

Câu 41. Việc làm chủ vùng trời trên vùng lãnh thổ quốc gia đặc biệt được chấp hành, thực hiện như thế nào?

A, Quy ước, luật pháp quốc tế

B, Quy định của quốc gia có lãnh thổ đặc biệt

C, Như lãnh thổ đất liền

D, Như lãnh thổ vùng biển

Đáp án: A

Câu 42. Quyền làm chủ của quốc gia một cách độc lập, toàn vẹn, đầy đủ về lập pháp, hành pháp, tư pháp được thể hiện trên những phương diện nào?

A, Kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao

B, Chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội

C, Ngoại giao, pháp luật, và quốc phòng

D, Kinh tế, đối ngoại, quốc phòng, giáo dục

Đáp án: A

Câu 43. Nguyên tắc chung cơ bản của luật pháp quốc tế về các quốc gia độc lập là gì?

- A, Tôn trọng chủ quyền quốc gia
- B, Tôn trọng chủ quyền biên giới
- C, Tôn trọng độc lập, tôn vện lãnh thổ
- D, Tôn trọng các Hiệp ước quốc tế

Đáp án: A

Câu 44. Những quốc gia có điều kiện như thế nào thì được công nhận là có chủ quyền quốc gia?

- A, Lãnh thổ đủ và rộng lớn
- B, Dân số phát triển ổn định
- C, Chế độ xã hội phù hợp thời đại
- D, Không cần điều kiện nào

Đáp án: D

Câu 45. Mục tiêu xây dựng bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia là?

- A, Thiết lập và bảo đảm quyền làm chủ về mọi mặt trên lãnh thổ quốc gia
- B, Giữ vững ổn định và nền hoà bình, độc lập trên các vùng lãnh thổ
- C, Thường xuyên duy trì hoạt động an ninh trật tự trong vùng lãnh thổ
- D, Xây dựng và phát triển mọi lĩnh vực, phát huy quyền làm chủ tối đa

Đáp án: A

A2 (45 câu)

Câu 46. Dự định đánh vào những mục tiêu chuẩn bị trước có giá trị thấp nhằm làm gì?

- A, Làm cho địch tiêu hao lớn
- B, Làm thay đổi tương quan lực lượng
- C, Thay đổi cục diện chiến tranh
- D, Bảo toàn lực lượng

Đáp án: A

Câu 47. Một trong những điểm mạnh nổi bật của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Chiến đấu trên mọi địa hình
- B, Khả năng tiến công liên tục
- C, Tự động tiêu diệt

D, Dễ thao tác sử dụng

Đáp án: C

Câu 48. Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập là nhằm làm gì?

A, Gây khó khăn trong trinh sát, phát hiện

B, Giảm hiệu quả tác chiến của địch

C, Tăng cường khả năng tác chiến độc lập

D, Tạo thế chủ động trong tác chiến

Đáp án: B

Câu 49. Thực hiện nghi binh trong chiến tranh nhằm làm gì?

A, Đánh lừa đối phương

B, Bảo vệ mục tiêu

C, Che giấu mục tiêu

D, Dụ địch để đánh

Đáp án: A

Câu 50. Động viên công nghiệp trong tình hình hiện nay nhằm mục đích gì?

A, Xây dựng thế trận quốc phòng

B, Phát huy tiềm lực quốc phòng

C, Xây dựng thế trận vững mạnh

D, Xây dựng tiềm lực quốc phòng

Đáp án: D

Câu 51. Phòng chống trinh sát của địch trong phòng chống vũ khí công nghệ cao là biện pháp có tính chất gì?

A, Chủ động

B, Thụ động

C, Bị động

D, Tự phát

Đáp án: B

Câu 52. Đánh vào khâu, mắt xích then chốt là dựa vào đặc điểm gì của vũ khí công nghệ cao?

A, Đồng bộ

B, Hiện đại

C, Uy lực sát thương lớn

D, Khả năng tác chiến cao

Đáp án: A

Câu 53. Cơ động phòng tránh nhanh, đánh trả kịp thời là biện pháp mang tính chất gì?

- A, Chủ động
- B, Tự giác
- C, Bị động
- D, Tự phát

Đáp án: A

Câu 54. Phòng chống địch tiến công bằng VKCNC cần những lực lượng nào tham gia?

- A, Lực lượng vũ trang
- B, Quân đội
- C, Công an
- D, Tổ chức, cá nhân trong XH

Đáp án: D

Câu 55. Đặc trưng của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Nhảy vọt về chất lượng kỹ, chiến thuật
- B, Được nghiên cứu chế tạo đặc biệt
- C, Chế tạo dựa trên thành tựu công nghệ
- D, Tiến công được mọi mục tiêu

Đáp án: A

Câu 56. Một trong những điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Tầm bắn hạn chế
- B, Không đồng bộ
- C, Dễ bị ảnh hưởng bởi khí hậu, thời tiết
- D, Khả năng tác chiến thấp

Đáp án: C

Câu 57. Một trong những đặc điểm của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Chuẩn bị nhanh chóng, thuận tiện
- B, Dễ triển khai chiến đấu
- C, Khả năng tự động hóa cao
- D, Chuẩn bị phức tạp, mất thời gian

Đáp án: C

Câu 58. Biện pháp tích cực, chủ động nhất trong phòng chống dịch tiến công bằng hỏa lực VKCNC là gì?

- A, Che giấu mục tiêu
- B, Nghi binh đánh lừa địch
- C, Ngụy trang mục tiêu
- D, Đánh trả có hiệu quả

Đáp án: D

Câu 59. Vũ khí cụng nghệ cao được thiết kế chế tạo dựa vào yếu tố nào?

- A, Thành tựu cách mạng khoa học kĩ thuật
- B, Sự nhảy vọt về kỹ, chiến thuật
- C, Phát minh nền khoa học công nghệ hiện đại
- D, Kết hợp các chuyên gia quân sự

Đáp án: A

Câu 60. Thế kỉ 21, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao kết hợp với yếu tố nào để tiêu diệt mục tiêu?

- A, Thiết bị trinh thám
- B, Thiết bị hồng ngoại
- C, Thiết bị laze
- D, Thiết bị chùm tia

Đáp án: A

Câu 61. Đặc điểm nổi bật của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Khả năng tự động hóa cao
- B, Hoạt động trong những vùng nhiễu
- C, Hoạt động ở vùng thời tiết phức tạp
- D, Dễ triển khai chiến đấu

Đáp án: A

Câu 62. Điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Khi mục tiêu thay đổi dễ bị mất thời cơ
- B, Cồng kềnh, cơ động khó khăn
- C, Khả năng tác chiến phụ thuộc trình sát
- D, Xuất phát từ xa, dễ bị phát hiện

Đáp án: A

Câu 63. Điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết
- B, Dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường

- C, Dễ bị đối phương đánh lừa
- D, Cả 3 phương án

Đáp án: D

Câu 64. Điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Cả 3 phương án
- B, Thời gian tác chiến không thể kéo dài
- C, Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết
- D, Dễ bị bắn hạ bằng VK thông thường

Đáp án: A

Câu 65. Điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Cả 3 phương án
- B, Khi mục tiêu thay đổi dễ bị mất thời cơ
- C, Dễ bị đối phương đánh lừa
- D, Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết

Đáp án: A

Câu 66. Điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Phương án B, C và D
- B, Dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường
- C, Thời gian tác chiến không thể kéo dài
- D, Dễ bị đối phương đánh lừa

Đáp án: A

Câu 67. Điểm yếu của vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Khi mục tiêu thay đổi dễ bị mất thời cơ
- B, Thời gian tác chiến không thể kéo dài
- C, Dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường
- D, Phương án A, B và C

Đáp án: D

Câu 68. Phòng chống vũ khí công nghệ cao bằng phương pháp thụ động có những nội dung nào?

- A, Phương án B, C và D
- B, Phòng chống trinh sát của địch
- C, Dự địch đánh vào mục tiêu giá trị thấp
- D, Tổ chức bố trí lực lượng phân tán

Đáp án: A

Câu 69. Phòng chống vũ khí công nghệ cao bằng phương pháp thụ động có những nội dung nào?

- A, Phương án B, C và D
- B, Xây dựng hạ tầng, đô thị với hàm ngầm
- C, Dự định đánh vào mục tiêu giá trị thấp
- D, Tổ chức bố trí lực lượng phân tán

Đáp án: A

Câu 70. Phòng chống vũ khí công nghệ cao bằng phương pháp thụ động có những nội dung nào?

- A, Phương án B, C và D
- B, Xây dựng hạ tầng, đô thị với hàm ngầm
- C, Phòng chống trinh sát của địch
- D, Tổ chức bố trí lực lượng phân tán

Đáp án: A

Câu 71. Phòng chống vũ khí công nghệ cao bằng phương pháp thụ động có những nội dung nào?

- A, Phương án B, C và D
- B, Xây dựng hạ tầng, đô thị với hàm ngầm
- C, Dự định đánh vào mục tiêu giá trị thấp
- D, Phòng chống trinh sát của địch

Đáp án: A

Câu 72. Phòng chống trinh sát trong biện pháp thụ động đối với vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Che dấu mục tiêu
- B, Hạn chế năng lượng bức xạ về phía địch
- C, Chuẩn bị chu đáo gây nhiễu, chế áp
- D, Phóng tên lửa phá hoại hệ thống trinh sát

Đáp án: A

Câu 73. Phòng chống trinh sát trong biện pháp thụ động đối với vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Ngụy trang mục tiêu
- B, Xây dựng hàm ngầm
- C, Phá hoại hệ thống trinh sát
- D, Bố trí các đài gây nhiễu nơi hiểm yếu

Đáp án: A

Câu 74. Phòng chống trinh sát trong biện pháp thụ động đối với vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Tổ chức việc nghi binh đánh lừa.
- B, Lập các trạm, các trung tâm thông tin giả.
- C, Thu hút trinh sát và chế áp điện tử.
- D, Làm hạn chế đặc trưng của mục tiêu.

Đáp án: A

Câu 75. Phòng chống vũ khí công nghệ cao trong biện pháp chủ động là gì?

- A, Cả 3 phương án.
- B, Gây nhiễu làm giảm hiệu quả trinh sát.
- C, Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch.
- D, Đánh vào mắt xích then chốt của VKCNC.

Đáp án: A

Câu 76. Phòng chống vũ khí công nghệ cao trong biện pháp chủ động là gì?

- A, Phương án B, C và D
- B, Phòng tránh, đánh trả kịp thời, chính xác.
- C, Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch.
- D, Đánh vào mắt xích then chốt của VKCNC.

Đáp án: A

Câu 77. Phòng chống vũ khí công nghệ cao trong biện pháp chủ động là gì?

- A, Phương án B, C và D
- B, Gây nhiễu làm giảm hiệu quả trinh sát
- C, Phòng tránh, đánh trả kịp thời, chính xác
- D, Đánh vào mắt xích then chốt của VKCNC

Đáp án: A

Câu 78. Phòng chống vũ khí công nghệ cao trong biện pháp chủ động là gì?

- A, Phương án B, C và D
- B, Gây nhiễu làm giảm hiệu quả trinh sát
- C, Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch
- D, Phòng tránh, đánh trả kịp thời, chính xác

Đáp án: A

Câu 79. Biện pháp chủ động cụ thể phòng chống vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Phá hoại hệ thống trinh sát của địch
- B, Tổ chức việc nghi binh đánh lừa
- C, Ngụy trang mục tiêu
- D, Che dấu mục tiêu

Đáp án: A

Câu 80. Biện pháp chủ động cụ thể phòng chống vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Tổng hợp nhiều tác động gây nhiễu, chế áp
- B, Xây dựng hạ tầng và hầm ngầm
- C, Dụ địch đánh mục tiêu có giá trị thấp
- D, Phòng chống phương tiện trinh sát

Đáp án: A

Câu 81. Biện pháp chủ động cụ thể phòng chống vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Hạn chế năng lượng bức xạ
- B, Xây dựng hạ tầng, đô thị, hầm ngầm
- C, Phòng chống phương tiện trinh sát
- D, Tổ chức bố trí lực lượng phân tán

Đáp án: A

Câu 82. Biện pháp chủ động cụ thể phòng chống vũ khí công nghệ cao là gì?

- A, Dùng hỏa lực, đánh vào chỗ hiểm
- B, Xây dựng hạ tầng và hầm ngầm
- C, Phòng chống phương tiện trinh sát
- D, Tổ chức bố trí lực lượng phân tán

Đáp án: A

Câu 83. Vũ khí công nghệ cao có hệ thống bảo đảm nào quan trọng nhất ?

- A, Điều khiển bằng laze
- B, Phát tia hồng ngoại
- C, Phát bức xạ súng điện tử
- D, Trinh sát và giám sát mục tiêu

Đáp án: D

Câu 84. Muốn làm tốt công tác phòng chống trinh sát của địch trước tiên phải làm gì?

- A, Áp dụng các phương pháp, biện pháp đối phó và đánh trả kịp thời
- B, Xác định ý thức và áp dụng biện pháp phù hợp, cụ thể
- C, Xác định phương tiện trinh sát và áp dụng biện pháp phù hợp
- D, Xác định ý thức phòng chống trinh sát và phương tiện trinh sát

Đáp án: D

Câu 85. Làm thế nào để phòng chống hệ thống trinh sát hiện đại của địch?

- A, Giảm đặc trưng môi trường, xóa bỏ sự khác biệt với môi trường
- B, Giảm đặc trưng mục tiêu bằng thủ đoạn kỹ thuật
- C, Làm giảm đặc trưng vật lý của mục tiêu
- D, Làm giảm sự phát hiện của địch ở nơi trọng điểm

Đáp án: A

Câu 86. Để giấu kín mục tiêu cần sử dụng biện pháp kỹ thuật cụ thể nào trong phòng chống hệ thống trinh sát hiện đại của địch?

- A, Giảm âm thanh, ánh sáng, sóng điện từ, bức xạ hồng ngoại
- B, Biện pháp kỹ, chiến thuật che giấu mục tiêu
- C, Xóa bỏ sự khác biệt của mục tiêu với môi trường
- D, Kết hợp biện pháp ngụy trang truyền thống với hiện đại

Đáp án: A

Câu 87. Máy bay là hệ thống trinh sát bằng những kỹ thuật nào?

- A, Hồng ngoại, quang học, laze
- B, Súng điện từ, hồng ngoại, quang học
- C, Súng điện từ, quang học, laze
- D, Súng điện từ, hồng ngoại, laze

Đáp án: A

Câu 88. Để kiềm chế, điều động địch làm cho địch suy yếu khả năng tấn công, dẫn đến sai lầm, ta có thể sử dụng biện pháp nào?

- A, Tổ chức nghi binh đánh lừa địch
- B, Hạn chế đặc điểm của mục tiêu
- C, Ngụy trang và che dấu mục tiêu
- D, Dụ địch đánh vào mục tiêu có giá trị thấp

Đáp án: A

Câu 89. Để hạn chế khả năng tấn công trên bộ, biển, không bằng hỏa lực vũ khí công nghệ cao của địch. Đảng ta có phương châm chỉ đạo như thế nào?

- A, Tổ chức đánh địch từ xa
- B, Chủ động tổ chức tập kích địch
- C, Sử dụng các lực lượng ngăn chặn
- D, Phát huy hỏa lực không quân, hải quân

Đáp án: A

Câu 90. Vũ khí công nghệ cao là loại vũ khí được chế tạo như thế nào?

- A, Nhảy vọt về chất lượng, kỹ thuật, chiến thuật
- B, Chuyên biến về chất lượng kỹ thuật
- C, Nhảy vọt về chất lượng khoa học công nghệ
- D, Có sự kết hợp kinh tế với KHCN

Đáp án: A

A3 (45 câu)

Câu 91. Dân quân tự vệ được xây dựng thành những lực lượng cơ bản nào?

- A, Lực lượng nòng cốt và rộng rãi
- B, Lực lượng chủ lực và địa phương
- C, Lực lượng dự bị và thường trực
- D, Lực lượng tại chỗ và cơ động

Đáp án: A

Câu 92. Một trong những vị trí trực tiếp của dân quân tự vệ hiện nay là gì?

- A, Bảo vệ Đảng và chính quyền ở cơ sở
- B, Bảo vệ Đảng và Nhà nước
- C, Bảo vệ Đảng, chính quyền trung ương
- D, Bảo vệ Đảng và nhân dân

Đáp án: A

Câu 93. Xây dựng lực lượng dự bị động viên phải phát huy sức mạnh tổng hợp của Lực lượng nào sau đây?

- A, Cả hệ thống chính trị
- B, Nhà nước Việt Nam
- C, Các tổ chức quần chúng
- D, Đảng cộng sản Việt Nam

Đáp án: A

Câu 94. Bản chất của công tác động viên công nghiệp quốc phòng là gì?

- A, Động viên ngành công nghiệp cho QP
- B, Động viên nền kinh tế cho QP
- C, Động viên thủ công nghiệp cho quốc phòng
- D, Phát triển công nghiệp nhà nước

Đáp án: A

Câu 95. Lực lượng dự bị động viên được huấn luyện theo kế hoạch như thế nào?

- A, Hàng tháng
- B, Hàng quý
- C, Hàng năm
- D, Không có kế hoạch thường xuyên

Đáp án: C

Câu 96. Xây dựng Dân quân tự vệ rộng khắp nhằm thực hiện nội dung quan trọng chủ yếu gì?

- A, Đáp ứng yêu cầu phòng thủ quốc gia
- B, Đáp ứng yêu cầu xây dựng địa phương
- C, Đáp ứng với yêu cầu bảo vệ địa phương
- D, Đáp ứng yêu cầu xây dựng LLVT

Đáp án: A

Câu 97. Một trong những đặc điểm của dân quân tự vệ là gì?

- A, Bảo đảm hậu cần tại chỗ
- B, Tiếp vận cho lực lượng chủ lực
- C, Cung cấp hậu cần cho chủ lực
- D, Cung cấp hậu cần cho chiến tranh

Đáp án: A

Câu 98. Một trong những đặc điểm chủ yếu của dân quân tự vệ là gì?

- A, Là lực lượng dự bị chiến đấu ở địa phương
- B, Lực lượng chiến lược của Đảng
- C, Lực lượng tại chỗ, gắn với địa bàn
- D, Lực lượng phục vụ chiến đấu

Đáp án: C

Câu 99. Lực lượng dự bị động viên trực tiếp là một bộ phận của lực lượng nào sau đây?

- A, Là lực lượng vũ trang
- B, Quân đội nhân dân
- C, Là lực lượng bán vũ trang
- D, Là lực lượng Biên phòng

Đáp án: B

Câu 100. Đăng ký quản lý lực lượng dự bị động viên cần chú ý điều gì sau đây?

- A, Giới tính quân nhân
- B, Thành phần gia đình
- C, Thành phần dân tộc
- D, Chuyên môn, trình độ quân sự

Đáp án: D

Câu 101. Nhiệm vụ hàng đầu trong động viên công nghiệp cho quốc phòng là gì?

- A, Nâng tầm năng của nền công nghiệp
- B, Quản lý chất lượng, số lượng
- C, Nâng vững số lượng, chất lượng
- D, Xác định chỉ tiêu, yêu cầu động viên

Đáp án: D

Câu 102. Chức năng chủ yếu của dân quân tự vệ là gì?

- A, Chiến đấu
- B, Lao động sản xuất
- C, Công tác
- D, Giáo dục

Đáp án: B

Câu 103. Thực chất của động viên công nghiệp cho quốc phòng là gì?

- A, Chuyển đổi, mở rộng công nghiệp cho quốc phòng
- B, Chuyển đổi nền công nghiệp sang quốc phòng
- C, Chuyển đổi, mở rộng một phần công nghiệp cho quốc phòng
- D, Mở rộng nền công nghiệp

Đáp án: C

Câu 104. Công nghiệp quốc phòng có chức năng gì?

- A, Sửa chữa phương tiện kỹ thuật quân sự
- B, Sản xuất, sửa chữa, trang bị cho quân đội
- C, Sản xuất các loại quân dụng và dân sự

D, Sửa chữa phương tiện kỹ thuật quân sự, dân sự

Đáp án: B

Câu 105. Một trong những mục tiêu công tác động viên CNQP đối với đất nước ta là gì?

- A, Nâng cao tiềm lực chính trị
- B, Nâng cao tiềm lực quốc phòng
- C, Phát huy tiềm lực mọi mặt
- D, Phát huy sức mạnh quân sự

Đáp án: C

Câu 106. Thực chất của động viên công nghiệp cho quốc phòng là gì?

- A, Chuyển đổi, mở rộng công nghiệp cho quốc phòng
- B, Chuyển đổi nền công nghiệp sang quốc phòng
- C, Chuyển đổi, mở rộng một phần CN cho QP
- D, Thực hiện mở rộng nền công nghiệp

Đáp án: C

Câu 107. Một trong những mục đích của công tác động viên công nghiệp quốc phòng là gì?

- A, Nâng cao tiềm lực quốc phòng bảo vệ trong thời bình
- B, Nâng cao tiềm lực kinh tế xây dựng nền quốc phòng
- C, Nâng cao tiềm lực quốc phòng trong chiến tranh BVTQ
- D, Nâng cao tiềm lực đáp ứng nhiệm vụ XD và BVTQ

Đáp án: C

Câu 108. Một trong những biện pháp chủ yếu tổ chức động viên công nghiệp quốc phòng là gì?

- A, Phát huy sức mạnh quần chúng nhân dân
- B, Phát huy sức mạnh của các doanh nghiệp công nghiệp
- C, Phát huy sức mạnh các cấp, các ngành trong ĐVCN
- D, Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống công nghiệp

Đáp án: C

Câu 109. Một trong những chức năng của ngành cung nghiệp quốc phòng là gì?

- A, Sửa chữa, sản xuất phương tiện KT
- B, Sửa chữa, sản xuất VKTB
- C, Sản xuất các loại sản phẩm
- D, Cung cấp VKTB phục vụ chiến đấu

Đáp án: B

Câu 110. Nhiệm vụ cơ bản của hoạt động công nghiệp quốc phòng là gì?

- A, Cung cấp, sửa chữa đổi mới trang thiết bị
- B, Cung cấp, đổi mới trang bị vũ khí cho quân đội
- C, Cung cấp, sản xuất sửa chữa vũ khí trang bị cho LLVT
- D, Cung cấp, vũ khí trang Bị cho các lực lượng vũ trang

Đáp án: B

Câu 111. Công tác động viên công nghiệp quốc phòng có vị trí như thế nào trong việc phát huy tiềm lực đất nước?

- A, Quan trọng nhất trong công tác phòng thủ quốc gia
- B, Một mặt quan trọng để động viên nền kinh tế cho QP
- C, Quan trọng chuyên hoá ngành công nghiệp thời bình sang thời chiến
- D, Quan trọng nhất đáp ứng yêu cầu chiến tranh hiện đại

Đáp án: B

Câu 112. Một trong những nhiệm vụ cơ bản của động viên công nghiệp (ĐVCN) trong thời bình?

- A, Công tác đăng ký, quản lý ĐVCN phải được thực hiện thường xuyên cụ thể tới từng đơn vị nhà máy công nghiệp, nhất là công nghiệp quốc phòng
- B, Tổ chức đăng ký để nắm thực lực về tiềm năng ngành công nghiệp, làm cơ sở cho việc thực hiện tổ chức ĐVCN trong thời chiến
- C, Các bộ ngành liên quan có công tác quản lý, lập kế hoạch chặt chẽ, cụ thể các ND ĐVCN nhất là trong thời chiến
- D, Các ngành công nghiệp nhất là công nghiệp quốc phòng cần có các phương án dự trữ cho ngành mình để phục vụ SX và ĐVCN thời chiến

Đáp án: B

Câu 113. Động viên công nghiệp có vị trí như sau:

- A, Để nâng cao tiềm lực quốc phòng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.
- B, Để nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội.
- C, ĐVCN để nâng cao sức mạnh chiến đấu của đất nước trong chiến tranh hiện đại.
- D, Để nâng cao tính chủ động tích cực chiến đấu của LLVT khi chiến tranh xảy ra.

Đáp án: A

Câu 114. Để đáp ứng yêu cầu lực lượng vũ trang, nhiệm vụ của công tác động viên công nghiệp là:

- A, Các sản phẩm công nghiệp của quốc phòng phải được kiểm tra giám sát chặt chẽ, bảo đảm đủ về số lượng và tốt về chất lượng
- B, Nghiệm thu quản lý, bảo quản chặt chẽ, bí mật an toàn, phân phối điều tiết sản phẩm cho LLVT
- C, Công tác kiểm tra giám sát chất lượng trong quá trình sản xuất sản phẩm công nghiệp cho quốc phòng phải được cơ quan quân đội tiến hành
- D, Sản phẩm công nghiệp cho công tác quốc phòng phải được phân phối đều cho quốc phòng nhằm phục vụ tốt khả năng SSCĐ của quân đội

Đáp án: B

Câu 115. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ cần nắm vững nội dung gì?

- A, Xây dựng vững mạnh, rộng khắp coi trọng chất lượng là chính
- B, Xây dựng vững mạnh toàn diện tất cả các khâu, các nội dung
- C, Xây dựng về mặt sẵn sàng chiến đấu trang bị vũ khí
- D, Xây dựng vững mạnh toàn diện tất cả các khâu, các nội dung, quan trọng

Đáp án: A

Câu 116. Trong ban chỉ huy quân sự cơ sở của dân quân tự vệ, chính trị viên do ai đảm nhận?

- A, Do phó bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân đảm nhận
- B, Do bí thư đảng uỷ đảm nhận
- C, Do uỷ viên thường vụ đảng uỷ đảm nhận
- D, Do chủ tịch uỷ ban nhân dân đảm nhận

Đáp án: B

Câu 117. Vì một trong những lý do nào, dân quân tự vệ đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng?

- A, Dân quân tự vệ ra đời từ phong trào cách mạng do Đảng phát động
- B, Dân quân tự vệ ra đời để bảo vệ Đảng
- C, Dân quân tự vệ ra đời từ phong trào cách mạng của nhân dân do Đảng lãnh đạo
- D, Dân quân tự vệ ra đời trong các phong trào đấu tranh chống xâm lược

Đáp án: C

Câu 118. Nghĩa vụ công dân tham gia dân quân tự vệ, được thể chế hoá bằng văn bản pháp qui có ý nghĩa gì?

- A, Là cơ sở bảo đảm tính ổn định về tổ chức cho dân quân tự vệ và tính công bằng đối với công dân

B, Là cơ sở bảo đảm cho lực lượng dân quân tự vệ luôn ổn định về tổ chức và bảo đảm cung bằng xã hội cho mọi công dân đối với quyền lợi và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc

C, Là cơ sở bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ cho dân quân tự vệ

D, Là cơ sở bảo đảm tính pháp chế về tổ chức cho dân quân tự vệ và tính công bằng đối với công dân

Đáp án: B

Câu 119. Dân quân tự vệ được bảo đảm hậu cần như thế nào?

A, Tự cung tự cấp về mọi mặt

B, Được bảo đảm hậu cần tại chỗ

C, Được địa phương bảo đảm về công tác hậu cần

D, Được địa phương bảo đảm về mọi công tác hậu cần

Đáp án: B

Câu 120. Giáo dục truyền thống đối với dân quân tự vệ cần nắm vững nội dung nào?

A, Giáo dục truyền thống đánh giặc giữ nước

B, Giáo dục truyền thống yêu nước của dân tộc

C, Giáo dục truyền thống đấu tranh dũng cảm

D, Giáo dục truyền thống kiên quyết chống giặc ngoại xâm của dân tộc

Đáp án: B

Câu 121. Một trong các nội dung quan điểm xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp là gì?

A, Luôn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chung và nhiệm vụ của địa phương

B, Luôn đáp ứng được thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân

C, Luôn đáp ứng phòng thủ quốc gia, thể bố trí chiến lược, triển khai thể trận quốc phòng ở các địa phương, cơ sở

D, Luôn đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chung

Đáp án: C

Câu 122. Một trong những đặc điểm của dân quân tự vệ là gì?

A, Vũ khí, trang bị thường là tự tạo hoặc cướp được của địch

B, Được trang bị vũ khí đủ loại phù hợp với nhiệm vụ

C, Được cấp vũ khí, trang bị thường là không hiện đại, rất năng động trong tự tạo vũ khí để đánh địch

D, Được trang bị vũ khí không hiện đại và vũ khí tự chế tạo

Đáp án: C

Câu 123. Dân quân tự vệ được xác định là lực lượng như thế nào trong nền quốc phòng toàn dân?

- A, Dân quân tự vệ là lực lượng cơ bản của nền quốc phòng toàn dân
- B, Dân quân tự vệ là lực lượng chiến lược của nền quốc phòng toàn dân
- C, Dân quân tự vệ là lực lượng xung kích trong của nền quốc phòng toàn dân
- D, Dân quân tự vệ là lực lượng xung kích trong của nền quốc phòng và an ninh toàn dân

Đáp án: B

Câu 124. Đảng lãnh đạo lực lượng dân quân tự vệ như thế nào?

- A, Trực tiếp về mọi mặt trong công tác cán bộ
- B, Tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt
- C, Tuyệt đối, trực tiếp ở những địa bàn trọng điểm
- D, Tuyệt đối, trực tiếp về chức năng, nhiệm vụ

Đáp án: B

Câu 125. Lực lượng dân quân tự vệ được tổ chức như thế nào?

- A, Lực lượng cơ động và lực lượng rộng rãi
- B, Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi
- C, Lực lượng quân sự và lực lượng an ninh nhân dân
- D, Lực lượng cơ động tại chỗ đánh địch

Đáp án: B

Câu 126. Dân quân tự vệ có nhiệm vụ gì?

- A, Tham gia xây dựng địa phương
- B, Tham gia xây dựng khu vực phũng thủ
- C, Tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện
- D, Tham gia xây dựng khu vực phũng thủ tốt

Đáp án: C

Câu 127. Biên chế cán bộ Ban chỉ huy quân sự cơ sở của dân quân tự vệ gồm mấy người?

- A, Gồm 5 người
- B, Gồm 4 người
- C, Gồm 3 người
- D, Gồm 2 người

Đáp án: C

Câu 128. Một trong ba chức năng của dân quân tự vệ là gì?

- A, Là lực lượng xung kích trong lao động, trong bảo vệ mọi mặt của địa phương
- B, Là lực lượng bảo vệ trị an, bổ sung cho quân đội và thực hiện các nhiệm vụ
- C, Là lực lượng xung kích trong lao động sản xuất, trong chống thiên tai địch họa, khắc phục hậu quả bảo vệ mùa màng, tài sản của nhân dân trên địa bàn
- D, Là lực lượng xung kích trong bảo vệ mọi mặt của địa phương

Đáp án: C

Câu 129. Nguồn cung cấp vũ khí trang bị của dân quân tự vệ chủ yếu dựa vào đâu?

- A, Do Bộ quốc phòng cấp, do thu được của địch
- B, Do thu lượm, sửa chữa các loại vũ khí quân địch bỏ lại khi bị thất bại trong chiến đấu
- C, Do thu lại các loại vũ khí của bọn hàng binh và bọn buôn lậu
- D, Do thu các loại vũ khí quân địch bỏ lại khi bị thất bại

Đáp án: A

Câu 130. Vì sao dân quân tự vệ đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng?

- A, Dân quân tự vệ ra đời từ phong trào cách mạng do Đảng phát động
- B, Dân quân tự vệ ra đời để bảo vệ Đảng
- C, Dân quân tự vệ ra đời từ phong trào cách mạng của nhân dân do Đảng lãnh đạo
- D, Dân quân tự vệ hình thành trong cuộc đấu tranh chống áp bức, nô lệ của thực dân Pháp

Đáp án: C

Câu 131. Huấn luyện quân sự đối với dân quân tự vệ bao gồm những đối tượng nào?

- A, Toàn thể cán bộ, đảng viên chiến sĩ dân quân tự vệ
- B, Toàn thể cán bộ dân quân tự vệ
- C, Toàn thể cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ
- D, Toàn thể cán bộ, đảng viên dân quân tự vệ

Đáp án: C

Câu 132. Ban chỉ huy quân sự cơ sở của dân quân tự vệ gồm những thành phần nào?

- A, Chỉ huy trưởng; chính trị viên

- B, Chỉ huy trưởng; phó chỉ huy trưởng
- C, Chỉ huy trưởng; chính trị viên và phó chỉ huy trưởng
- D, Chỉ huy trưởng; phó chỉ huy trưởng hậu cần

Đáp án: C

Câu 133. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ hiện nay lưu ý nội dung nào?

- A, Xây dựng dân quân tự vệ coi trọng chất lượng chính trị
- B, Xây dựng dân quân tự vệ coi trọng chất lượng là chính
- C, Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ toàn diện có sức chiến đấu cao
- D, Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ toàn diện

Đáp án: B

Câu 134. Một trong những quan điểm nguyên tắc xây dựng dân quân tự vệ là gì?

- A, Xây dựng dân quân tự vệ coi trọng chất lượng chính trị
- B, Xây dựng dân quân tự vệ rộng khắp, coi trọng chất lượng là chính
- C, Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ toàn diện có sức chiến đấu cao
- D, Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ toàn diện về mọi mặt

Đáp án: B

Câu 135. Chức năng cơ bản của dân quân tự vệ là gì?

- A, Là lực lượng xung kích trong lao động, trong bảo vệ mọi mặt của địa phương
- B, Là lực lượng bảo vệ trị an, bổ sung cho quân đội và thực hiện các nhiệm vụ
- C, Là lực lượng xung kích trong lao động sản xuất, trong chống thiên tai địch họa, khắc phục hậu quả bảo vệ mùa màng, tài sản của nhân dân trên địa bàn
- D, Là lực lượng bảo vệ trị an, bổ sung cho quân đội

Đáp án: C

A4 (45 câu)

Câu 136. Một trong những mục tiêu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

- A, Bảo vệ an ninh chính trị
- B, Bảo vệ an ninh biên giới
- C, Bảo vệ an ninh quốc gia
- D, Bảo vệ an ninh lãnh thổ

Đáp án: A

Câu 137. Một trong những nội dung tuyên truyền giáo dục quần chúng thực hiện bảo vệ an ninh trật tự là gì?

- A, Tình hình hoạt động của tội phạm
- B, Tình hình xã hội, và hoạt động văn hóa
- C, Tình hình kinh tế, chính trị của Nhà nước
- D, Âm mưu thủ đoạn của thế lực thù địch

Đáp án: D

Câu 138. Có các loại tổ chức quần chúng nào ở cơ sở là nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự ở địa bàn?

- A, Chỉ đạo, quản lý, thực hành
- B, Tư vấn, quản lý điều hành, thực hiện
- C, Lãnh đạo, điều hành, thực hành
- D, Chỉ đạo, quản lý điều hành, thực hiện

Đáp án: B

Câu 139. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng và địa phương trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm làm gì?

- A, Giáo dục, vận động nhân dân bảo vệ an ninh tổ quốc
- B, Tổ chức, vận động toàn dân bảo vệ an ninh trật tự
- C, Chỉ đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu bảo vệ ANTQ
- D, Tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hiện bảo vệ ANTQ

Đáp án: B

Câu 140. Kế hoạch phát động phong trào toàn dân BVANTQ ở cơ sở do ai duyệt ?

- A, Bí thư đảng uỷ
- B, Chủ tịch hội đồng nhân dân
- C, Trưởng công an
- D, Chủ tịch uỷ ban nhân dân

Đáp án: D

Câu 141. Một trong những phương pháp xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ là gì?

- A, Tìm hiểu tình hình, phối hợp hành động
- B, Xây dựng địa bàn nòng cốt
- C, Nắm tình hình, xây dựng kế hoạch
- D, Điều tra nắm chắc địa bàn

Đáp án: C

Câu 142. Phương pháp hướng dẫn nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự được tiến hành thế nào?

- A, Từ trên xuống dưới, đơn giản đến phức tạp
- B, Từ nội dung khó đến nội dung dễ
- C, Từ thấp đến cao, đơn giản đến phức tạp
- D, Từ chỗ ít người đến nhiều người

Đáp án: C

Câu 143. Một trong những mục tiêu tuyên truyền giáo dục nhân dân trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

- A, Nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng
- B, Nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu
- C, Nâng cao khả năng chiến đấu
- D, Nâng cao khả năng phối hợp chiến đấu

Đáp án: A

Câu 144. Phong trào toàn dân bảo vệ bảo vệ an ninh Tổ quốc là hoạt động dưới hình thức?

- A, Tự phát, có tổ chức
- B, Tự giác, có chỉ đạo
- C, Tự giác, có tổ chức
- D, Tự phát, có chỉ đạo

Đáp án: C

Câu 145. Hướng dẫn cho nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm làm gì?

- A, Cả ba phương án B,C và D
- B, Giúp cơ quan chức năng đấu tranh chống tội phạm
- C, Giúp nhân dân chủ động phát hiện tội phạm
- D, Nhân dân biết cách phòng ngừa tội phạm

Đáp án: A

Câu 146. Huy động sức mạnh của nhân dân trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm làm gì?

- A, Đấu tranh chống các loại tội phạm
- C, Bảo vệ vững chắc tổ quốc
- B, Bảo vệ an ninh chính trị, an toàn xã hội

D, Góp phần xây dựng và BVTQ

Đáp án: D

Câu 147. Nội dung cơ bản, quan trọng hàng đầu của phong trào toàn dân BVANTQ là gì?

- A, Vận động toàn dân tham gia chương trình phòng chống tội phạm
- B, Nồng cao cảnh giác CM, phòng chống AM, TĐ chống phá của địch
- C, Nâng cao nhận thức cho nhân dân về AM, TĐ chống phá của kẻ thù
- D, Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn an ninh, trật tự XH

Đáp án: B

Câu 148. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng và địa phương trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm làm gì?

- A, Tổ chức, vận động toàn dân bảo vệ an ninh chính trị, trật tự XH
- B, Huy động sức mạnh của toàn dân tham gia bảo vệ an ninh trật tự
- C, Chỉ đạo nhân dân thực hiện các mục tiêu bảo vệ an ninh tổ quốc
- D, Hướng dẫn cho nhân dân thực hiện bảo vệ an ninh tổ quốc

Đáp án: B

Câu 149. Một trong những nội dung tuyên truyền giáo dục quần chúng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự là gì?

- A, Tình hình hoạt động của tội phạm
- B, Tình hình xã hội, văn hóa
- C, Tình hình kinh tế, chính trị
- D, Âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch

Đáp án: D

Câu 150. Phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng và địa phương trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc nhằm làm gì?

- A, Giáo dục, vận động nhân dân BVANTQ
- B, Tổ chức toàn dân bảo vệ an ninh trật tự
- C, Chỉ đạo nhân dân thực hiện mục tiêu BVANTQ
- D, Hướng nhân dân thực hiện BVANTQ

Đáp án: A

Câu 151. Nội dung cơ bản, quan trọng hàng đầu của phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm là gì?

- A, Vận động toàn dân tham gia chương trình phòng chống tội phạm
- B, Giáo dục cảnh giác cách mạng, truyền thống yêu nước, đấu tranh với kẻ thù

- C, Nâng cao nhận thức cho nhân dân về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù
- D, Vận động nhân dân chấp hành và tham gia giữ gìn trật tự xã hội

Đáp án: B

Câu 152. Quan điểm của Đảng ta về quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc là gì?

- A, Là lực lượng cách mạng đông đảo
- B, Nền tảng của đất nước, gốc rễ của dân tộc
- C, Động lực cho sự phát triển của xã hội
- D, Cả 3 phương án A, B, C

Đáp án: D

Câu 153. Theo quan điểm của Đảng ta, tầng lớp nào là động lực chính để thúc đẩy sự thay đổi và phát triển của xã hội?

- A, Quần chúng nhân dân
- B, Giai cấp công nông
- C, Tầng lớp trí thức
- D, Các thành phần kinh tế

Đáp án: A

Câu 154. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng ta có quan điểm về quần chúng nhân dân khác với triết học duy tâm và chế độ quân chủ tư sản như thế nào?

- A, Quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển của xã hội
- B, Quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển KT, CT
- C, Quần chúng nhân dân quyết định sự tồn tại của xã hội
- D, Quần chúng nhân dân quyết định thắng lợi trong lịch sử

Đáp án: A

Câu 155. Vai trò của quần chúng nhân dân trong bảo vệ an ninh Tổ quốc là

- A, Phát hiện, quản lý, giáo dục đối tượng phạm tội để thu hẹp tội phạm
- B, Phát hiện khắc phục sơ hở, thiết sót mà địch và tội phạm hay lợi dụng
- C, Tham gia bảo vệ an ninh trật tự, giúp cơ quan chuyên trách hoàn thành tốt nhiệm vụ
- D, Cả 3 phương án.

Đáp án: D

Câu 156. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động trên hình thức nào

- A, Tự giác có tổ chức
- B, Tự phát có sự tham gia của chuyên môn
- C, Tự phát có tổ chức
- D, Tự giác có sự tham gia của CAND

Đáp án: A

Câu 157. Nhiệm vụ của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ là?

- A, Phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh tội phạm
- B, Giáo dục quản lý đối tượng phạm tội
- C, Giải quyết các mâu thuẫn trên địa bàn
- D, Duy trì các phong trào của Đảng, Nhà nước

Đáp án: A

Câu 158. Mục tiêu của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ là?

- A, Bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tài sản nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân
- B, Bảo vệ ANCT, nền kinh tế, văn hóa, tính mạng, tài sản của nhân dân
- C, Bảo vệ ANCT, quốc phòng an ninh, đối ngoại, đoàn kết dân tộc, tôn giáo
- D, Bảo vệ ANCT, kinh tế, văn hóa, đại đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo

Đáp án: A

Câu 159. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ giữ vị trí như thế nào trong sự nghiệp cách mạng?

- A, Quan trọng, không thể thiếu.
- B, Tiên phong, không thể thiếu.
- C, Trọng tâm, trọng điểm.
- D, Là điều kiện để nhân dân làm chủ

Đáp án: A

Câu 160. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ và các phong trào cách mạng khác của Đảng ở địa phương, đơn vị có quan hệ như thế nào?

- A, Khăng khít, tác động hỗ trợ nhau
- B, Chặt chẽ, gắn bó nhau
- C, Mật thiết để xây dựng KT phát triển
- D, Cùng vận động ND tham gia công tác XH

Đáp án: A

Câu 161. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ có tác dụng với các phong trào khác của Đảng và địa phương như thế nào?

- A, Là điều kiện phát triển các phong trào cách mạng, nhân dân

- B, Là điều kiện thắng lợi cho phong trào đền ơn đáp nghĩa ở cơ sở
- C, Là điều kiện thắng lợi cho phong trào xóa đói, giảm nghèo
- D, Là điều kiện thắng lợi cho kinh tế, xã hội phát triển

Đáp án: A

Câu 162. Phong trào toàn dân BVANTQ giữ vị trí như thế nào trong sự nghiệp bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH?

- A, Chiến lược, là nền tảng cơ bản
- B, Chiến lược quan trọng, là tiền đề cơ bản
- C, Chiến lược, là điều kiện tiên quyết
- D, Chiến lược quan trọng, là điều kiện cần thiết

Đáp án: A

Câu 163. Lực lượng nào giữ vai trò nòng cốt vận động, hướng dẫn quần chúng nhân dân thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc?

- A, Công an nhân dân
- B, Quân đội nhân dân
- C, Lực lượng vũ trang nhân dân
- D, Lực lượng vũ trang và dân quân tự vệ

Đáp án: A

Câu 164. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ có vai trò quan trọng như thế nào tác động đến việc nâng cao ý thức tự giác của đại bộ phận quần chúng nhân dân?

- A, Là động lực quan trọng
- B, Sự hỗ trợ đắc lực tinh thần tự giác
- C, Là hoạt động quan trọng
- D, Cổ vũ cho ý thức của quần chúng

Đáp án: A

Câu 165. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ giúp lực lượng chức năng có điều kiện triển khai hiệu quả các mặt công tác nghiệp vụ thế nào?

- A, Triển khai công tác sâu rộng
- C, Thuận lợi trong vận động tuyên truyền
- B, Triển khai đấu tranh rộng rãi
- D, Thống nhất cao chuyên môn, nghiệp vụ

Đáp án: A

Câu 166. Hình thức hoạt động của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ có ý nghĩa, tác dụng như thế nào trong nhiệm vụ bảo vệ ANTT xã hội.

- A, Tập hợp, thu hút, phát huy quyền làm chủ quần chúng bảo vệ ANTT
- B, Tập hợp, thu hút, phát huy khả năng của quần chúng nhân dân bảo vệ ANTT
- C, Tập hợp lực lượng phòng ngừa, phát hiện đấu tranh trấn áp tội phạm
- D, Tạo thế chủ động phát huy quyền làm chủ quần chúng nhân dân bảo vệ ANTT

Đáp án: A

Câu 167. Mục đích của công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ để làm gì?

- A, Phát huy sức mạnh quần chúng bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự ATXH
- B, Phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với âm mưu của kẻ thù
- C, Phát huy quyền làm chủ của quần chúng nhân dân ở cơ sở
- D, Vận động, hướng dẫn quần chúng nhân dân bảo vệ ANTT

Đáp án: A

Câu 168. Nhiệm vụ chủ yếu của phong trào bảo vệ ANTQ là gì?

- A, Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với tội phạm
- B, Tập hợp lực lượng quần chúng tham gia bảo vệ ANTQ
- C, Tạo điều kiện để quần chúng nhân dân thực hiện quyền làm chủ
- D, Vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia các phong trào

Đáp án: A

Câu 169. Đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ là gì?

- A, Tất cả các phương án.
- B, Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến nhiều người và mọi tầng lớp xã hội
- C, Nội dung, hình thức, phương pháp phụ thuộc vào đặc điểm, tình hình địa phương
- D, Phong trào gắn với phong trào khác của Đảng, việc thực hiện chính sách địa phương

Đáp án: A

Câu 170. Một trong những đặc điểm của phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ là gì?

- A, Đối tượng tham gia đa dạng, liên quan đến nhiều người và mọi tầng lớp xã hội

- B, Sức mạnh và khả năng sáng tạo của quần chúng nhân dân là rất to lớn
- C, Quần chúng nhân dân được tổ chức thành phong trào hoạt động cụ thể
- D, Quần chúng tự giác tham gia phong trào nhiều hơn, trực tiếp và tốt hơn

Đáp án: A

Câu 171. Phong trào toàn dân bảo vệ ANTO mang tính chất gì?

- A, Tính xã hội sâu sắc
- B, Tính chính trị đa Đảng
- C, Tính kinh tế to lớn
- D, Tính nhân dân, tính dân tộc

Đáp án: A

Câu 172. Quá trình vận động phong trào toàn dân bảo vệ ANTO cần chú trọng điều gì?

- A, Gắn nghĩa vụ, quyền lợi và tinh thần tự giác của nhân dân
- B, Gắn phong trào với các cuộc vận động khác của Đảng
- C, Gắn kết với việc thực hiện chính sách của địa phương
- D, Sự tác động, ảnh hưởng lớn đến phong trào địa phương

Đáp án: A

Câu 173. Yêu cầu trong công tác vận động phong trào bảo vệ ANTO?

- A, Trang bị kiến thức chính trị, pháp luật, cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của tội phạm
- B, Phổ biến cho quần chúng nhân dân biết rõ kế hoạch của phong trào
- C, Tổ chức cho nhân dân tích cực tự giác tham gia phong trào BVANTO
- D, Phổ biến các tình huống thực tế có thể xảy ra cho nhân dân nắm rõ

Đáp án: A

Câu 174. Nội dung cơ bản hàng đầu trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTO là gì?

- A, Giáo dục cảnh giác cách mạng, truyền thống
- B, Xây dựng và mở rộng liên kết
- C, Xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể
- D, Vận động toàn dân tự giác phòng chống tội phạm

Đáp án: A

Câu 175. Sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân trong nhiệm vụ bảo vệ ANTT ở địa phương sẽ được phát huy khi nào?

- A, Quần chúng được tổ chức thành phong trào cụ thể
- B, Nhân dân được tuyên truyền, vận động hướng dẫn

- C, Cơ quan, đơn vị, địa phương, gia đình được ổn định
- D, Các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể vững mạnh

Đáp án: A

Câu 176. Để đề ra nội dung công tác thích hợp, hiệu quả trong phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ cần căn cứ vào đâu?

- A, Yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, bảo đảm QPAN ở cơ sở
- B, Mục tiêu xây dựng kinh tế, phát triển xã hội đơn vị ở cơ sở
- C, Vị trí, vai trò công tác xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ
- D, Tính chất, đặc điểm của phong trào cách mạng ở địa phương

Đáp án: A

Câu 177. Trong phương pháp xây dựng phong trào bảo vệ ANTQ, để định ra nội dung, hình thức, phương pháp trước tiên phải làm gì?

- A, Nắm tình hình ANTT, địa bàn cơ sở
- B, Xây dựng nội dung của phong trào
- C, Tham mưu, đóng góp ý kiến xây dựng
- D, Phòng chống gây rối công cộng

Đáp án: A

Câu 178. Nội dung cụ thể nắm tình hình địa bàn là?

- A, Địa lý, nghề nghiệp, tôn giáo, dân tộc
- B, Tình hình ANTT trên địa bàn
- C, Tình hình quần chúng chấp hành
- D, Cả 3 phương án.

Đáp án: D

Câu 179. Nội dung cụ thể nắm tình hình địa bàn là?

- A, Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng
- B, Diễn biến phong trào từng thời kỳ
- C, Sơ hở, thiếu sót và thực hiện chính sách
- D, Cả 3 phương án A, B và C

Đáp án: D

Câu 180. Phương pháp nắm tình hình xây dựng kế hoạch phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ:

- A, Nghiên cứu, khai thác tài liệu có sẵn
- B, Tiếp xúc, gặp gỡ, thu thập ý kiến
- C, Điều tra, mọi hoạt động của các tổ chức
- D, Cả 3 phương án A, B và C

Đáp án: D

A5 (45 câu)

Câu 181. Quá trình tiến hành chiến lược “DBHB”, BLLĐ kẻ thù thường thực hiện ở đâu?

- A, Nơi yếu kém về mọi mặt
- B, Nơi trung tâm kinh tế
- C, Nơi trung tâm văn hoá
- D, Trung tâm văn hoá, chính trị

Đáp án: A

Câu 182. Chiến lược “DBHB” và bạo loạn lật đổ giống nhau cơ bản về những điểm gì ?

- A, Bản chất, mục tiêu, qui mô chống phá
- B, Mục tiêu, chủ thể, biện pháp thực hiện
- C, Bản chất, biện pháp, hình thức thực hiện
- D, Bản chất, mục tiêu, chủ thể tiến hành

Đáp án: D

Câu 183. Hoạt động bạo loạn lật đổ có tính chất cơ bản là gì ?

- A, Tính tự giác
- B, Tính tự phát
- C, Gây mất ổn định
- D, Có tính tổ chức

Đáp án: D

Câu 184. Phương châm chỉ đạo cơ bản trong phòng chống chiến lược “DBHB”, BLLĐ là gì?

- A, Phân hoá, tách rời các phần tử phản động
- B, Phân hoá các đối tượng chống đối
- C, Phân hoá, cô lập các lực lượng chống đối
- D, Phân hoá, bắt giữ các đối tượng

Đáp án: C

Câu 195. Bạo loạn lật đổ có quan hệ với “DBHB” như thế nào?

- A, Làm cho “DBHB” phát triển nhanh hơn
- B, Làm cho “DBHB” kém hiệu quả
- C, Là điều kiện, cơ sở thúc đẩy cùng phát triển
- D, Làm cho BLLĐ phát triển nhanh hơn

Đáp án: C

Câu 196. Mục đích chống phá trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa của chiến lược “DBHB” là gì?

- A, Truyền bá tư tưởng tư sản
- B, Phai mờ bản sắc, văn hóa dân tộc
- C, Bôi nhọ văn hoá cách mạng
- D, Các phương án đều đúng

Đáp án: D

Câu 198. Năm vững mục tiêu, quan điểm, phương châm, nhiệm vụ phòng chống chiến lược “DBHB”, BLLĐ nhằm làm gì?

- A, Nâng cao nhận thức cách mạng
- B, Thống nhất về tư tưởng và hành động
- C, Nâng cao trách nhiệm đấu tranh
- D, Thống nhất về hành động đấu tranh.

Đáp án: B

Câu 199. CNĐQ và các thế lực phản động thường mua chuộc, lôi kéo đối tượng nào khi tiến hành chiến lược ” DBHB ”?

- A, Quân chúng dao động
- B, Quân chúng hiếu kỳ
- C, Quân chúng tiêu cực
- D, Quân chúng tích cực

Đáp án: C

Câu 200. Bạo loạn lật đổ có vị trí như thế nào trong chiến lược “DBHB”?

- A, Quan trọng
- B, Rất quan trọng
- C, Là một âm mưu
- D, Là một thủ đoạn

Đáp án: D

Câu 201. Bản chất của chiến lược ” DBHB” là gì?

- A. Phản cách mạng
- B. Chiến tranh xâm lược
- C. Chống phá CNXH
- D. Chống phá phi quân sự

Đáp án: A

Câu 202. Thủ đoạn chính nhằm chống phá cách mạng Việt Nam trong chiến lược "DBHB", BLLĐ hiện nay là gì?

- A, Chiếm lĩnh thị trường
- B, Ngoại giao hữu nghị
- C, Khoét sâu mâu thuẫn nội bộ
- D, Tất cả các hoạt động trên

Đáp án: C

Câu 203. Mục đích chống phá lực lượng vũ trang nhân dân của chiến lược "DBHB" là gì?

- A, Phân hóa lực lượng vũ trang
- B, Cô lập lực lượng vũ trang
- C, Gây mất lòng tin đối với lực lượng vũ trang
- D, Phi chính trị hoá lực lượng vũ trang

Đáp án: D

Câu 204. Biện pháp chủ yếu trong đấu tranh phòng chống bạo loạn lật đổ là gì?

- A, Biện pháp quân sự
- B, Biện pháp chính trị
- C, Biện pháp phi quân sự
- D, Biện pháp giáo dục

Đáp án: C

Câu 205. Một trong những nội dung chống phá về chính trị, tư tưởng trong chiến lược "DBHB" đối với Việt Nam là gì?

- A, Tiêu tan nền tảng tư tưởng Nhà nước
- B, Tiêu tan nền tảng tư tưởng của lực lượng vũ trang
- C, Tiêu tan nền tảng tư tưởng của Đảng
- D, Tiêu tan nền tảng tư tưởng xã hội

Đáp án: D

Câu 206. Thủ đoạn chống phá trọng yếu trong chiến lược "DBHB" của CNĐQ đối với Việt Nam hiện nay là gì ?

- A, Văn hoá
- B, Kinh tế
- C, Lực lượng vũ trang
- D, Dân tộc, tôn giáo

Đáp án: D

Câu 207. Chiến lược “DBHB” được hình thành và phát triển theo mấy giai đoạn?

- A. Có 2 giai đoạn
- B. Có 3 giai đoạn
- C. Có 4 giai đoạn
- D. Có 5 giai đoạn

Đáp án: A

Câu 208. Thực hiện đa nguyên về chính trị, đa đảng đối lập trong chiến lược “DBHB” của địch nhằm làm gì?

- A, Xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng
- B, Tạo sự đối lập về chính trị tư tưởng
- C, Tạo sự cạnh tranh các Đảng phái
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 209. Nguyên tắc cơ bản trong đấu tranh chống BLLĐ là gì?

- A, Không để lúng túng, bị động
- B, Không để bị bất ngờ, lúng túng
- C, Không để lúng túng, lây lan nhanh
- D, Không để lan rộng, kéo dài

Đáp án: D

Câu 210. Đặc trưng cơ bản của bạo loạn lật đổ là gì?

- A, Bạo lực tự phát
- B, Bạo loạn chính trị
- C, Bạo lực có tổ chức
- D, Bạo loạn vũ trang

Đáp án: C

Câu 211. Chiến lược “DBHB” được thực hiện theo hình thức nào?

- A, Đánh nhanh thắng nhanh
- B, Đánh chậm tiến chắc
- C, Mưa dầm thấm sâu
- D, Cơ bản lâu dài

Đáp án: C

Câu 212. Tại sao phòng chống chiến lược “DBHB” phải đồng thời với phòng chống BLLĐ?

- A, Vì “DBHB” và BLLĐ có cùng bản chất
- B, Vì “DBHB” và BLLĐ cùng thúc đẩy nhau phát triển
- C, Vì “DBHB” và BLLĐ có cùng đối tượng chống phá
- D, Vì “DBHB” và BLLĐ có cùng về mục tiêu

Đáp án: B

Câu 213. Quan điểm chỉ đạo trong phòng chống chiến lược “DBHB”, BLLĐ của Đảng ta hiện nay?

- A, Là nhiệm vụ chiến lược
- B, Là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu
- C, Là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu
- D, Là nhiệm vụ cơ bản lâu dài

Đáp án: C

Câu 214. Kẻ thù xác định lĩnh vực chống phá hàng đầu trong chiến lược “DBHB” là gì?

- A, Kinh tế
- B, Văn hoá
- C, Dân tộc tôn giáo
- D, Chính trị, tư tưởng

Đáp án: D

Câu 215. Bạo loạn lật đổ thường thực hiện bằng những hình thức nào?

- A, Bạo loạn quân sự, vũ trang
- B, Bạo loạn chính trị, quân sự
- C, Bạo loạn vũ trang, văn hóa
- D, Bạo loạn kinh tế, văn hóa

Đáp án: B

Câu 216. Chiến lược “DBHB” thường được sử dụng đan xen với thủ đoạn nào?

- A, Đe dọa quân sự và can thiệp vũ trang
- B, Bạo loạn lật đổ và can thiệp vũ trang
- C, Gây rối và bạo loạn lật đổ.
- D, Các phương án trên

Đáp án: D

Câu 217. Chiến lược “DBHB” là chiến lược nhằm mục đích gì?

- A, Lật đổ chế độ của các nước tiến bộ
- B, Thực hiện mưu đồ bá chủ thế giới

- C, Thực thi chiến lược phản ứng linh hoạt
- D, Răn đe quân sự đối với các nước tiên bộ

Đáp án: A

Câu 218. Nội dung chính trong chiến lược “DBHB” của chủ nghĩa Đế quốc là gì?

- A, Phá hoại kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa
- B, Làm suy yếu từ bên trong các nước XHCN
- C, Kích động mâu thuẫn xã hội các nước XHCN
- D, Tiến hành gây rối loạn an ninh trật tự các nước

Đáp án: A

Câu 219. Một trong những thủ đoạn của kẻ thù nhằm chống phá các nước XHCN trong chiến lược “DBHB” là gì ?

- A, Kích động các mâu thuẫn xã hội
- B, Chống phá bằng bạo lực có tổ chức
- C, Gây rối loạn trật tự xã hội ở các nước
- D, Chống phá gây rối loạn trật tự xã hội

Đáp án: A

Câu 220. Bạo loạn lật đổ có tính chất như thế nào ?

- A, Hành động bạo lực có tổ chức
- B, Chống phá kinh tế chính trị
- C, Làm suy yếu các nước XHCN
- D, Kích động mâu thuẫn

Đáp án: A

Câu 221. Phương châm chống phá về chính trị, tư tưởng trong chiến lược “DBHB”, BLLĐ của địch là gì?

- A, Hàng đầu
- B, Mũi nhọn
- C, Ngòi nổ
- D, Hậu thuẫn

Đáp án: A

Câu 222. Phương châm chống phá về kinh tế trong chiến lược “DBHB”, BLLĐ của địch là gì?

- A, Mũi nhọn
- B, Hàng đầu
- C, Ngòi nổ

D, Hậu thuẫn

Đáp án: A

Câu 223. Phương châm chống phá về dân tộc, tôn giáo trong chiến lược “DBHB”, BLLĐ của địch là gì?

A, Mũi nhọn

B, Hàng đầu

C, Ngòi nổ

D, Hậu thuẫn

Đáp án: C

Câu 224. Phương châm chống phá về ngoại giao trong chiến lược “DBHB”, BLLĐ của địch là gì?

A, Mũi nhọn

B, Hàng đầu

C, Ngòi nổ

D, Hậu thuẫn

Đáp án: D

Câu 225. Thủ đoạn, phương pháp cơ bản của chiến lược “DBHB”, BLLĐ là gì?

A, Không đánh mà thắng

B, Thay đổi chế độ bằng vũ lực

C, Tự diễn biến mà thắng

D, Phương án B và C

Đáp án: A

A6 (50 câu)

Câu 226. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới là gì?

A. Giữ vững ổn định trật tự xã hội

B, Giữ vững an ninh chính trị

C, Giữ vững sự an toàn xã hội

D, Giữ vững hoà bình, ổn định

Đáp án: B

Câu 227. Bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm những hoạt động chủ yếu nào?

A, Phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại

- B, Trinh sát, phát hiện, đấu tranh làm thất bại
- C, Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh
- D, Phòng ngừa, trinh sát, phát hiện, đấu tranh làm thất bại

Đáp án: C

Câu 228. Nội dung nào là cơ bản, quan trọng nhất trong công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội?

- A, Bài trừ các tệ nạn xã hội
- B, Phòng ngừa tai nạn lao động
- C, Phòng ngừa thiên tai
- D, Đấu tranh phòng, chống tội phạm

Đáp án: D

Câu 229. Để bảo vệ an ninh quốc gia, Đảng ta xác định nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách hiện nay là:

- A, Bảo vệ an ninh kinh tế
- B, Bảo vệ an ninh văn hoá
- C, Bảo vệ an ninh tôn giáo
- D, Bảo vệ an ninh chính trị nội bộ

Đáp án: D

Câu 230. Thách thức lớn nhất đối với an ninh trật tự xã hội ở nước ta là gì?

- A, Những khó khăn về kinh tế
- B, Hoạt động chống phá của kẻ thù
- C, Các nguy cơ thách thức
- D, Hoạt động tệ nạn xã hội

Đáp án: C

Câu 231. Khi phát hiện người, hoặc hiện tượng nghi vấn xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự xã hội thì phải tố giác và tổ chức nào?

- A, Quân đội, công an
- B, Chính quyền, quân đội
- C, Quân đội, chính quyền
- D, Chính quyền, công an

Đáp án: D

Câu 232. Tại sao bảo vệ an ninh quốc gia phải kết hợp chặt chẽ và giữ gìn trật tự an toàn xã hội?

- A, Hai yếu tố có quan hệ hữu cơ, cấu thành xã hội

- B, Hai yếu tố có quan hệ biện chứng, cấu thành trật tự xã hội
- C, Hai yếu tố đó cấu thành trật tự xã hội
- D, Là hai yếu tố quan trọng cấu thành xã hội

Đáp án: B

Câu 233. Mục tiêu chủ yếu của công tác bảo vệ trật tự, an toàn xã hội là gì?

- A, Xây dựng đất nước độc lập
- B, Xây dựng đất nước thống nhất
- C, Xây dựng xã hội phát triển
- D, Xây dựng xã hội bình yên

Đáp án: C

Câu 234. Hiện nay cần tập trung đấu tranh và những đối tượng nào để bảo vệ an ninh quốc gia?

- A, Lực lượng gián điệp; tội phạm xuyên quốc gia
- B, Lực lượng phản động; tội phạm xuyên quốc gia
- C, Lực lượng gián điệp; phản động
- D, Lực lượng phản động; các loại tội phạm

Đáp án: C

Câu 235. Để xác định đúng đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh trật tự cần dựa vào các căn cứ nào?

- A, Nội dung của nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự
- B, Yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự
- C, Tất cả các căn cứ
- D, Đối tượng và hoạt động của đối tượng

Đáp án: C

Câu 236. Đảng và Nhà nước ta xác định bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ có tính cấp thiết như thế nào trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc?

- A, Nhiệm vụ cực kỳ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta
- B, Nhiệm vụ rất quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta
- C, Nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta
- D, Nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của toàn Đảng, toàn dân ta

Đáp án: A

Câu 237. Mục tiêu quan trọng nhất trong công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự là gì?

- A, Nâng cao nhận thức chính trị

- B, Nâng cao trách nhiệm bảo vệ ANTT
- C, Nâng cao cảnh giác cách mạng
- D, Nâng cao khả năng phòng chống tội phạm

Đáp án: A

Câu 238. An ninh quốc gia của Việt Nam được khái quát theo nội dung nào?

- A, Sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ nhà nước...
- B, Giữ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về ANQG
- C, Duy trì hòa bình ổn định và trật tự an toàn xã hội
- D, Đấu tranh làm thất bại các hoạt động chống phá của địch

Đáp án: A

Câu 239. Luật bảo vệ an ninh quốc gia của Việt Nam xác định như thế nào về quyền chủ quyền của quốc gia?

- A, Sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ
- B, Sự bất khả xâm phạm đến cá nhân, tổ chức trong phạm vi lãnh thổ quốc gia
- C, Sự tuân thủ các quy định Hiến pháp, Pháp luật của quốc gia
- D, Sự yên ổn của mọi công dân trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia

Đáp án: A

Câu 240. Mục tiêu về an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật nhà nước là gì?

- A, Đối tượng, địa điểm, công trình
- B, Cán bộ và cơ quan nhà nước
- C, Khu công nghiệp, đô thị của thủ đô
- D, Doanh nghiệp quốc phòng

Đáp án: A

Câu 241. Theo quy định của pháp luật nhà nước, mục tiêu về an ninh quốc gia là gì?

- A, Các cơ sở chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học kỹ thuật
- B, Cơ sở sinh hoạt của công chức nhà nước
- C, Cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp
- D, Địa điểm du lịch

Đáp án: A

Câu 242. Lĩnh vực cốt lõi xuyên suốt của an ninh quốc gia là gì?

- A, An ninh chính trị

- B, An ninh kinh tế
- C, An ninh tư tưởng - văn hóa
- D, Quốc phòng - đối ngoại

Đáp án: A

Câu 243. Thế nào là hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia?

- A, Xâm phạm các chế độ và Nhà nước
- B, Xâm hại đến cá nhân và tổ chức nhà nước
- C, Xâm chiếm, phá hoại tài sản Nhà nước
- D, Hành vi phá hoại sản xuất của nhà nước

Đáp án: A

Câu 244. Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A, Phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh làm thất bại hoạt động xâm hại ANQG
- B, Bảo vệ an ninh về tư tưởng văn hóa, khi đại đoàn kết toàn dân tộc
- C, Bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân
- D, Bảo vệ chế độ chính trị, bí mật quốc gia, mục tiêu quan trọng của nhà nước

Đáp án: A

Câu 245. Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là

- A, Những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về CT, AN, QP, KT, KHKT, VH, XH
- B, Là độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ nhà nước CHXHCN Việt Nam
- C, Là những cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương
- D, Là cơ sở kinh tế, nhà máy sản xuất vũ khí trong Bộ Quốc phòng

Đáp án: A

Câu 246. Một trong những mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là gì?

- A, Cơ sở chính trị, an ninh quốc phòng, kinh tế
- B, Nhà máy sản xuất của quốc phòng
- C, Cơ sở doanh nghiệp nhà nước
- D, Cơ sở đào tạo cán bộ Đảng, nhà nước

Đáp án: A

Câu 247. Một trong những nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A, Bảo vệ chế độ và nhà nước CHXHCNVN, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ
- B, Kết hợp chặt chẽ bảo vệ an ninh quốc gia và xây dựng đất nước

- C, Tuân thủ hiến pháp, pháp luật bảo đảm lợi ích nhà nước
- D, Tuân thủ HP, PL và quy định của địa phương bảo đảm lợi ích của tổ chức cá nhân

Đáp án: A

Câu 248. Để bảo vệ an ninh quốc gia, cần thực hiện tốt nhiệm vụ nào sau đây?

- A, Bảo vệ an ninh trật tự và văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền lợi hợp pháp của nhân dân
- B, Kết hợp chặt chẽ bảo vệ ANQG và xây dựng đất nước
- C, Tuân thủ hiến pháp, pháp luật bảo đảm lợi ích nhà nước
- D, Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và quy định của địa phương bảo đảm lợi ích của tổ chức cá nhân

Đáp án: A

Câu 249. Nội dung nhiệm vụ nào là cần thiết trong việc bảo vệ ANQG?

- A, Bảo vệ an ninh KT, QP, đối ngoại và các lợi ích quốc gia
- B, Kết hợp chặt chẽ bảo vệ ANQG và xây dựng đất nước
- C, Tuân thủ hiến pháp, pháp luật bảo đảm lợi ích nhà nước
- D, Tuân thủ HP, PL và quy định của địa phương bảo đảm lợi ích của tổ chức cá nhân

Đáp án: A

Câu 250. Để quốc gia luôn được ổn định, phát triển, bền vững cần phải thực hiện tốt nội dung nhiệm vụ nào?

- A, Giữ bí mật nhà nước và các môc tiêu quan trọng
- B, Kết hợp chặt chẽ bảo vệ ANQG và xây dựng đất nước
- C, Tuân thủ hiến pháp, pháp luật bảo đảm lợi ích nhà nước
- D, Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và quy định của địa phương bảo đảm lợi ích của tổ chức cá nhân

Đáp án: A

Câu 251. Quan điểm nào thể hiện tính tích cực, chủ động, kiên quyết, triệt để trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG của Đảng ta?

- A, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh loại trừ các hoạt động xâm phạm ANQG
- B, Kết hợp chặt chẽ bảo vệ ANQG và xây dựng đất nước
- C, Tuân thủ hiến pháp, pháp luật bảo đảm lợi ích nhà nước
- D, Tuân thủ HP, PL và quy định của địa phương bảo đảm lợi ích của tổ chức cá nhân

Đáp án: A

Câu 252. Nhiệm vụ hàng đầu quan trọng bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A, Bảo vệ chế độ chính trị, nhà nước CHXHCNVN độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ

B, Bảo vệ an ninh trật tự, văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân

C, Bảo vệ an ninh kinh tế, quốc phòng, đối ngoại và các lợi ích khác của quốc gia

D, Bảo vệ bí mật nhà nước và các môc tiêu quan trọng về an ninh quốc gia

Đáp án: A

Câu 253. Bảo vệ an ninh quốc gia cần thiết phải tuân thủ nguyên tắc nào?

A, Tuân thủ HP, PL, bảo đảm lợi ích Nhà nước và cá nhân, tổ chức

B, Bảo vệ an ninh tư tưởng văn hóa, khối đại đoàn kết toàn dân

C, Bảo vệ chế độ, nhà nước và độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ

D, Bảo vệ bí mật nhà nước, chấp hành các nhiệm vụ về QPAN

Đáp án: A

Câu 254. Một trong những nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A, Đảng lãnh đạo của, NN quản lý huy động sức mạnh tổng hợp...

B, Bảo vệ an ninh tư tưởng văn hóa, khối đại đoàn kết toàn dân

C, Bảo vệ chế độ, nhà nước và độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ

D, Bảo vệ bí mật nhà nước, phát huy sức mạnh tổng hợp của QPAN

Đáp án: A

Câu 255. Đảng, Nhà nước ta vận dụng mối quan hệ biện chứng để thực hiện nguyên tắc nào trong nhiệm vụ bảo vệ ANQG hiện nay?

A, Kết hợp nhiệm vụ bảo vệ ANQG và xây dựng, phát triển KT-VH, XH

B, Bảo vệ an ninh tư tưởng văn hóa, và bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân

C, Bảo vệ chế độ, bảo vệ độc lập, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ

D, Bảo vệ bí mật nhà nước và xây dựng, củng cố QPAN vững chắc

Đáp án: A

Câu 256. Để làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn xâm phạm ANQG cần phải thực hiện tốt nguyên tắc nào?

A, Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh

B, Bảo vệ an ninh trật tự, văn hoá, khối đại đoàn kết toàn dân tộc

C, Bảo vệ chế độ, Nhà nước, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ

D, Phương án B và C

Đáp án: A

Câu 257. Nguyên tắc quan trọng hàng đầu bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A, Tuân thủ pháp luật, bảo đảm quyền lợi của Nhà nước, tổ chức, cá nhân
- B, Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước
- C, Kết hợp nhiệm vụ bảo vệ ANQG và xây dựng, phát triển KT-XH
- D, Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và âm mưu thủ đoạn của địch

Đáp án: A

Câu 258. Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A, Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc...
- B, Kết hợp nhiệm vụ bảo vệ ANQG và xây dựng, phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội...
- C, Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu xâm phạm ANQG
- D, Cả 3 phương án A, B và C

Đáp án: D

Câu 259. Nguyên tắc bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A, Bảo vệ bí mật nhà nước và các mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia
- B, Đảng lãnh đạo, NN quản lý; huy động sức mạnh tổng hợp của dân tộc...
- C, Phương án B và D
- D, Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu xâm phạm ANQG.

Đáp án: C

Câu 260. Trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, cơ quan nào là chuyên trách?

- A, An ninh, tình báo, cảnh sát
- B, Hải quan Việt Nam
- C, Thanh tra, điều tra, kiểm sát
- D, Các tổ chức chính trị của Đảng và Nhà nước

Đáp án: A

Câu 261. Cơ quan nào có nhiệm vụ chuyên trách trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia?

- A, Lực lượng Hải quan Việt Nam.
- B, Đơn vị bảo vệ an ninh, tình báo quân đội
- C, Cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm sát

D, Các tổ chức chính trị của Đảng và Nhà nước

Đáp án: B

Câu 262. Cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia gồm?

A, Cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, đơn và AN, tình báo CA, QĐ

B, Các tổ chức chính trị của Đảng, NN, lực lượng Hải quan

C, Bộ đội BP, cảnh sát biển bảo vệ ANQG khu vực biên giới

D, Phương án A và C

Đáp án: D

Câu 263. Để ANQG luôn được ổn định, phát triển bền vững, Đảng ta xác định phải thực hiện biện pháp nào?

A, Biện pháp pháp luật

B, Biện pháp kinh tế

C, Biện pháp ngoại giao

D, Cả 3 phương án.

Đáp án: D

Câu 264. Để ANQG luôn được ổn định, phát triển bền vững, Đảng ta xác định phải thực hiện biện pháp nào?

A, Vận động quần chúng

B, Cả 3 phương án

C, Biện pháp nghiệp vụ, vũ trang

D, Biện pháp khoa học kỹ thuật

Đáp án: B

Câu 265. Một trong những biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

A, Biện pháp giáo dục

B, Biện pháp tuyên truyền

C, Biện pháp vũ trang

D, Phương án A và C

Đáp án: C

Câu 266. Nội dung nào thể hiện biện pháp bảo vệ ANQG?

A, Biện pháp đấu tranh

B, Biện pháp vũ trang

C, Biện pháp ngoại giao

D, Phương án B và C

Đáp án: D

Câu 267. Bảo vệ an ninh quốc gia cần thiết phải sử dụng biện pháp nào?

- A, Biện pháp khoa học kỹ thuật
- B, Biện pháp kinh tế
- C, Biện pháp phòng ngừa
- D, Phương án A và B

Đáp án: D

Câu 268. Đảng ta xác định biện pháp có thể trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A, Biện pháp pháp luật
- B, Đầu tư sản xuất
- C, Biện pháp nghiệp vụ
- D, Phương án A và C

Đáp án: D

Câu 269. Biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia trong sự nghiệp xây dựng và BVTQ là gì?

- A, Đánh giá, rút kinh nghiệm.
- B, Vận động quần chúng
- C, Phương án B và D
- D, Biện pháp vũ trang

Đáp án: C

Câu 270. Biện pháp chủ yếu trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia là gì?

- A, Biện pháp khoa học kỹ thuật
- B, Quán triệt, hướng dẫn
- C, Biện pháp ngoại giao
- D, Phương án A và C

Đáp án: D

Câu 271. Đảng, Nhà nước ta xác định nội dung nào là nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu, thường xuyên và cấp bách trong bảo vệ an ninh quốc gia?

- A, An ninh chính trị nội bộ
- B, An ninh kinh tế
- C, Bảo vệ an ninh văn hóa tư tưởng
- D, Bảo vệ an ninh về dân tộc, tôn giáo

Đáp án: A

Câu 272. Nội dung nào là nhiệm vụ chiến lược cực kì quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc gia?

- A, An ninh biên giới
- B, An ninh kinh tế
- C, An ninh chính trị nội bộ
- D, An ninh tư tưởng văn hóa

Đáp án: A

Câu 272. Để phòng chống các hoạt động của địch xâm phạm an ninh quốc gia, Đảng ta xác định nội dung nhiệm vụ nào là bộ phận quan trọng ?

- A, Bảo vệ an ninh thông tin
- B, Bảo vệ an ninh dân tộc
- C, Bảo vệ an ninh tôn giáo
- D, Bảo vệ an ninh biên giới

Đáp án: A

Câu 273. Nội dung bảo vệ an ninh quốc gia gồm?

- A, An ninh chính trị nội bộ
- B, An ninh kinh tế
- C, An ninh văn hóa, tư tưởng.
- D, Cả 3 phương án.

Đáp án: D

Câu 274. Nguyên nhân tiềm ẩn các thế lực thù địch nhằm gây mất ổn định trật tự xã hội là gì?

- A, Bức xúc, bất bình của nhân dân
- B, Quyền không chịu cải tạo
- C, Đảng phái, tổ chức phản động
- D, Cán bộ bất mãn, tiêu cực

Đáp án: A

Câu 275. Đảng, Nhà nước ta xác định bảo vệ an ninh quốc gia là nhiệm vụ có vị trí như thế nào trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc?

- A, Là nhiệm vụ cực kì quan trọng
- B, Là nhiệm vụ rất quan trọng
- C, Là nhiệm vụ vụ cụng quan trọng
- D, Là nhiệm vụ trọng yếu

Đáp án: A

A7 (50 câu)

Câu 276. Thực hiện tốt nội dung, nhiệm vụ nào là cơ sở, điều kiện để phòng chống tội phạm có hiệu quả?

- A, Đề ra chủ trương, giải pháp phù hợp
- B, Xác định rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội
- C, Xây dựng luật pháp nghiêm minh
- D, Nâng cao khung hình phạt của luật pháp

Đáp án: B

Câu 277. Cần sa là loại ma túy thuộc nhóm nào?

- A, An thần
- B, Kích thích
- C, Gây ảo giác
- D, Heroine

Đáp án: C

Câu 278. Một trong những mục đích của công tác phong chống tệ nạn xã hội là gì?

- A, Xóa bỏ nguyên nhân dẫn đến TNXH
- B, Không để các tệ nạn xã hội hoành hành
- C, Không để các tệ nạn xã hội phát triển
- D, Làm cho tệ nạn xã hội chậm phát triển

Đáp án: C

Câu 279. Ma túy là loại tệ nạn xã hội mắc phải do nguyên nhân chủ yếu nào?

- A, Thói quen sử dụng
- B, Nhận thức chưa đầy đủ
- C, Sự quản lý lỏng lẻo của xã hội
- D, Cơ chế thị trường

Đáp án: A

Câu 280. Phương hướng cơ bản nhất trong phòng chống tệ nạn xã hội là gì?

- A, Phòng chống từ gốc
- B, Phòng chống mọi đối tượng
- C, Phòng ngừa là cơ bản
- D, Phòng ngừa là chủ yếu

Đáp án: C

Câu 281. Heroine được sử dụng bằng những cách nào ?

- A, Uống, hít
- B, Hít, hút
- C, Hít, tiêm chích
- D, Tiêm chích, hút

Đáp án: C

Câu 282. Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là gì?

- A, Kịp thời phát hiện các dấu hiệu, hành vi phạm tội
- B, Xử lý nghiêm tội phạm theo qui định của pháp luật
- C, Ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước loại trừ tội phạm
- D, Giáo dục pháp luật trong cộng đồng

Đáp án: C

Câu 283. Người nghiện ma túy có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng do nguyên nhân chủ yếu gì?

- A, Sức khoẻ thể lực bị suy giảm
- B, Sức khoẻ tinh thần bị suy giảm
- C, Tính cách thay đổi
- D, Nhu cầu thoả mãn cơn nghiện

Đáp án: D

Câu 284. Người sử dụng ma túy dẫn đến bị teo cơ vĩnh viễn là do nguyên nhân gì?

- A, Mắc bệnh về đường hô hấp
- B, Mắc bệnh về da
- C, Mắc bệnh về đường tuần hoàn
- D, Mắc bệnh về đường tiêu hóa

Đáp án: C

Câu 285. Thực hiện tốt nội dung, nhiệm vụ nào là cơ sở, điều kiện để phòng chống tội phạm có hiệu quả?

- A, Nghiên cứu, soạn thảo các chủ trương, giải pháp thích hợp
- B, Nghiên cứu xác định ra các nguyên nhân, điều kiện phạm tội
- C, Xây dựng luật pháp nghiêm minh
- D, Nâng cao khung hình phạt của luật pháp

Đáp án: B

Câu 286. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến phạm tội là gì?

- A, Coi thường giá trị đạo đức, pháp luật
- B, Do cơ chế thị trường
- C, Môi trường xã hội
- D, Thói quen sống không lành mạnh

Đáp án: A

Câu 287. Một trong những nội dung vận động toàn dân tham chương trình quốc gia phòng chống tội phạm là gì?

- A, Bảo vệ địa bàn phát triển, ổn định, an toàn
- B, .Xây dựng môi trường không có tệ nạn
- C, Xây dựng địa bàn vững mạnh
- D, Phát hiện, tố giác, đấu tranh với tội phạm

Đáp án: D

Câu 288. Nhà trường phải làm gì để thiết thực phòng chống tệ nạn xã hội?

- A, Giáo dục tác hại của tệ nạn xã hội
- B, Quản lý chặt chẽ học sinh
- C, Nâng cao nhận thức, trách nhiệm phòng chống tệ nạn cho cả nhà trường
- D, Xử lý nghiêm học sinh mắc vào tệ nạn xã hội

Đáp án: A

Câu 289. Ma túy có tác hại đặc trưng đối với thần kinh như thế nào?

- A, Gây ảo giác
- B, Suy nhược
- C, Giảm khả năng tư duy
- D, Hưng phấn

Đáp án: A

Câu 290. Hoạt động phòng ngừa tội phạm có tính chất gì?

- A, Tính kinh tế, chính trị, xã hội
- B, Tính nhân đạo, văn hóa. kinh tế
- C, Tính nhân đạo, dân tộc, kinh tế
- D, Tính nhân đạo, chính trị, kinh tế

Đáp án: A

Câu 291. Để góp phần lớn nhất phòng chống tệ nạn xã hội bạn phải làm gì?

- A, Không tham gia vào các tệ nạn
- B, Không lôi kéo người khác mắc vào tệ nạn
- C, Nâng cao hiểu biết, trách nhiệm
- D, Sống lành mạnh, văn hóa, biết tự bảo vệ mình

Đáp án: C

Câu 292. Một trong những đặc điểm của tệ nạn xã hội là gì?

- A, Lây lan theo lứa tuổi.
- B, Lây lan nhanh trong xã hội
- C, Lây lan theo cộng đồng
- D, Lây lan nhanh theo địa bàn

Đáp án: B

Câu 293. Trong các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghiện ma túy, nguyên nhân nào mang tính quyết định?

- A, Cá nhân
- B, Xã hội
- C, Hoàn cảnh gia đình
- D, Môi trường

Đáp án: A

Câu 294. Ma túy gây tác hại chủ yếu đối với hệ tiêu hóa như thế nào?

- A, Đau bụng, buồn nôn
- B, Tiết dịch hệ tiêu hóa giảm
- C, Đại tiện lúc lỏng, lúc táo bón
- D, Luôn có cảm giác no, không muốn ăn

Đáp án: B

Câu 295. Một trong những mục đích của công tác phòng chống tệ nạn xã hội là gì?

- A, Xóa bỏ nguyên nhân, điều kiện của tệ nạn
- B, Không để tệ hoành hành
- C, Không để các tệ nạn xã hội phát triển
- D, Làm cho tệ nạn chậm phát triển

Đáp án: C

Câu 296. Đối tượng tổ chức đánh bạc thường có hành vi như thế nào ?

- A, Lôi kéo, tập hợp đối tượng đánh bạc
- B, Tham gia sát phạt
- C, Chứa chấp đối tượng đánh bạc

D, Cung cấp tiền cho đối tượng đánh bạc

Đáp án: A

Câu 297. Bản chất của tệ nạn mê tín dị đoan là gì?

A, Cuồng tín

B, Mất lòng tin

C, Nhận thức sai lệch về tôn giáo

D, Mù quáng

Đáp án: A

Câu 298. Ma túy là loại tệ nạn xã hội mắc phải do nguyên nhân chủ yếu nào?

A, Nhận thức chưa đầy đủ tác hại

B, Sự quản lý lỏng lẻo của xã hội

C, Thói quen sử dụng

D, Cơ chế thị trường

Đáp án: C

Câu 299. Ma túy gây tác hại chủ yếu đối với hệ tiêu hóa như thế nào?

A, Tiết dịch hệ tiêu hóa giảm

B, Đau bụng, buồn nôn

C, Đại tiện lúc lỏng, lúc táo bón

D, Luôn có cảm giác no, không muốn ăn

Đáp án: A

Câu 300. Người nghiện ma túy bị teo cơ vĩnh viễn là do nguyên nhân gì?

A, Mắc bệnh về đường hô hấp

B, Mắc bệnh về da

C, Mắc bệnh về đường tiêu hóa

D, Mắc bệnh về đường tuần hoàn

Đáp án: D

Câu 301. Bản chất của tệ nạn xã hội là gì?

A, Hành vi có tính phổ biến

B, Hành vi có tính lây lan

C, Hành vi lệch chuẩn mực, gây hậu quả nghiêm trọng

D, Hành vi gây tổn hại cho người khác

Đáp án: A

Câu 302. Ma túy có tác hại đặc trưng đối với thần kinh như thế nào?

- A, Gây ảo giác
- B, Suy nhược
- C, Giảm khả năng tư duy
- D, Hưng phấn

Đáp án: A

Câu 303. Tuyên truyền, giáo dục các chương trình phòng chống tội phạm trong nhà trường nhằm làm gì?

- A, Nâng cao trách nhiệm của cả nhà trường trong phòng chống tội phạm
- B, Bồi dưỡng kiến thức về tệ nạn cho học sinh
- C, Nâng cao cảnh giác phòng chống tội phạm
- D, Hạn chế tội phạm học đường

Đáp án: C

Câu 304. Người nghiện ma túy thường có biểu hiện gì đặc trưng mà người khác dễ nhận biết?

- A, Sùi bọt mép, ngáp vặt
- B, Nổi da gà
- C, Dồi bờ xương
- D, Đỏ mồm hôi

Đáp án: A

Câu 305. Thực hiện tốt nội dung - nhiệm vụ nào là cơ sở, điều kiện để phòng chống tội phạm có hiệu quả?

- A, Nghiên cứu, soạn thảo các chủ trương, giải pháp thích hợp
- B, Nghiên cứu xác định rõ các nguyên nhân, điều kiện phạm tội
- C, Xây dựng luật pháp nghiêm minh
- D, Nâng cao khung hình phạt của luật pháp

Đáp án: B

Câu 306. Mục đích của công tác phòng ngừa tội phạm là gì ?

- A, Kịp thời phát hiện các dấu hiệu, hành vi phạm tội
- B, Ngăn chặn, hạn chế, làm giảm từng bước tiến tới loại trừ tội phạm
- C, Xử lý nghiêm tội phạm
- D, Giáo dục pháp luật

Đáp án: B

Câu 307. Nhà trường phải làm gì để thiết thực phòng chống tệ nạn xã hội?

- A, Giáo dục tác hại của tệ nạn xã hội

- B, Nâng cao nhận thức, trách nhiệm phòng chống tệ nạn cho cả nhà trường
- C, Quản lý chặt chẽ học sinh
- D, Xử lý nghiêm học sinh mắc vào tệ nạn xã hội

Đáp án: A

Câu 308. Người nghiện ma túy có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng do nguyên nhân chủ yếu gì?

- A, Sức khoẻ thể lực bị suy giảm
- B, Sức khoẻ tinh thần bị suy giảm
- C, Tính cách thay đổi
- D, Nhu cầu thỏa mãn cơn nghiện

Đáp án: D

Câu 309. Một trong những mục đích của công tác phòng chống tệ nạn xã hội là gì?

- A, Xóa dần các nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tệ nạn xã hội
- B, Không để các tệ nạn xã hội hoành hành
- C, Không để các tệ nạn xã hội phát triển
- D, Làm cho tệ nạn xã hội chậm phát triển

Đáp án: A

Câu 310. Tại sao trong phòng chống tội phạm cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của mọi lực lượng?

- A, Tính chất phức tạp, nguy hiểm của tội phạm
- B, Hình thức phạm tội đa dạng
- C, Mục đích của hoạt động phòng chống tội phạm
- D, Đối tượng phạm tội đa dạng

Đáp án: C

Câu 311. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến phạm tội là gì?

- A, Do cơ chế thị trường
- B, Môi trường xã hội
- C, Coi thường giá trị đạo đức, pháp luật
- D, Thói quen sống không lành mạnh

Đáp án: C

Câu 312. Người nghiện sử dụng loại ma túy nào gây mắc bệnh tâm thần thể hoang tưởng?

- A, Nhóm ma túy an thần

- B, Nhóm ma túy gây kích thích
- C, Tất cả các nhóm ma túy trên
- D, Nhóm ma túy gây ảo giác

Đáp án: C

Câu 313. Thuốc phiện là chất ma túy thuộc nhóm nào?

- A, Gây ảo giác
- B, Kích thích
- C, An thần
- D, Morphin

Đáp án: A

Câu 314. Một trong những nội dung vận động toàn dân tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm là gì?

- A, Phát hiện, tố giác, đấu tranh với tội phạm
- B, Bảo vệ địa bàn phát triển, ổn định, an toàn
- C, Xây dựng môi trường không có tệ nạn
- D, Xây dựng địa bàn vững mạnh

Đáp án: A

Câu 315. Phòng chống tội phạm được tiến hành theo những phương hướng nào?

- A, Hạn chế thấp nhất hậu quả phạm tội
- B, Xử lý, hoàn thiện hệ thống pháp luật
- C, Xử lý nghiêm tội phạm
- D, Phát hiện, khắc phục, hạn chế đi đến thủ tiêu điều kiện phạm tội

Đáp án: D

Câu 316. Trong các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nghiện ma túy, nguyên nhân nào mang tính quyết định?

- A, Môi trường
- B, Xã hội
- C, Hoàn cảnh gia đình
- D, Cá nhân

Đáp án: D

Câu 317. Một trong những đặc điểm của tệ nạn xã hội là gì?

- A, Lây lan từ vùng này sang vùng khác
- B, Lây lan theo cộng đồng
- C, Lây lan nhanh trong xã hội

D, Lây lan theo lứa tuổi

Đáp án: C

Câu 318. Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến phạm tội là gì?

A, Do cơ chế thị trường

B, Môi trường xã hội

C, Thói quen sống không lành mạnh

D, Coi thường giá trị đạo đức pháp luật

Đáp án: C

Câu 319. Phòng ngừa tội phạm là trách nhiệm của ai?

A, Công an

B, Quân đội

C, Nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân

D, Lực lượng vũ trang

Đáp án: C

Câu 320. Cần sa là loại ma túy thuộc nhóm nào?

A, Gây ảo giác

B, An thần

C, Kích thích

D, Heroine

Đáp án: A

Câu 321. Phòng chống tội phạm là trách nhiệm của ai?

A, Toàn xã hội

B, Công an

C, Lực lượng vũ trang

D, Nhà nước

Đáp án: A

Câu 322. Tuyên truyền, giáo dục các chương trình phòng chống tội phạm trong nhà trường nhằm làm gì?

A, Nâng cao trách nhiệm của cả nhà trường trong phòng chống tội phạm

B, Bồi dưỡng kiến thức về tệ nạn cho học sinh

C, Nâng cao cảnh giác phòng chống tội phạm

D, Hạn chế tội phạm học đường

Đáp án: C

Câu 323. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm cơ bản của tệ nạn xã hội.

- A, Tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức
- B, Tệ nạn xã hội thường có quan hệ chặt chẽ với tội phạm hình sự
- C, Địa bàn tập trung hoạt động thường là nơi đông người
- D, Tất cả các phương án.

Đáp án: D

Câu 324. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm cơ bản của tệ nạn xã hội.

- A, Có tính lây lan nhanh trong xã hội
- B, Ngăn ngừa, chặn đứng không lan rộng trên địa bàn
- C, Nếp sống sa đọa, theo thói hư tật xấu
- D, Tất cả các phương án.

Đáp án: A

Câu 325. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm cơ bản của tệ nạn xã hội.

- A, Có tính lây lan nhanh trong xã hội
- B, Ngăn ngừa, chặn đứng không lan rộng trên địa bàn
- C, Nếp sống sa đọa, theo thói hư tật xấu
- D, Tất cả các phương án.

Đáp án: A

A8 (75 câu)

Câu 326. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Tất cả phương án B, C và D
- B, Dân số và trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc không đều nhau
- C, Do sự khác biệt về lợi ích của các dân tộc
- D, Do sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý

Đáp án: A

Câu 327. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Dân số và trình độ phát triển không đều
- B, Sự khác biệt về lợi ích các dân tộc
- C, Do tàn dư tư tưởng dân tộc tự ti dân tộc
- D, Tất cả phương án A, B và C

Đáp án: D

Câu 328. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Tất cả phương án B, C và D
- B, Dân số, trình độ phát triển KT-XH không đều
- C, Sự khác biệt lợi ích các dân tộc
- D, Thiếu sót, hạn chế trong hoạch định chính sách

Đáp án: A

Câu 329. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Tất cả phương án B, C và D
- B, Dân số và trình độ KT-XH không đều
- C, Sự khác biệt lợi ích của các dân tộc
- D, Sự kích động chia rẽ các dân tộc của địch

Đáp án: A

Câu 330. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Tất cả phương án B, C và D
- B, Dân số và trình độ KT-XH không đều
- C, Tàn dư tư tưởng tự ti dân tộc
- D, Sự khác biệt ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý

Đáp án: A

Câu 331. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Nạn phân biệt chủng tộc
- B, Sự khác biệt về lợi ích của các dân tộc
- C, Tất cả các phương án
- D, Mâu thuẫn dân tộc không thể giải quyết

Đáp án: B

Câu 332. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Sự khác biệt ngôn ngữ văn hóa tâm lý
- B, Nạn phân biệt chủng tộc của các dân tộc
- C, Mâu thuẫn dân tộc không thể giải quyết
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 333. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Tàn dư tư tưởng tự ti dân tộc
- B, Nạn phân biệt chủng tộc
- C, Tất cả các phương án
- D, Mâu thuẫn dân tộc không thể giải quyết

Đáp án: A

Câu 334. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Hạn chế trong hoạch định chính sách
- B, Nạn phân biệt chủng tộc
- C, Mâu thuẫn dân tộc không thể giải quyết
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 335. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

- A, Nạn phân biệt chủng tộc
- B, Sự thống trị, kích động, chia rẽ dân tộc
- C, Tất cả các phương án
- D, Mâu thuẫn dân tộc không thể giải quyết

Đáp án: B

Câu 336. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vấn đề dân tộc là vấn đề có vị trí như thế nào trong cách mạng XHCN

- A, Chiến lược
- B, Lâu dài
- C, Quan trọng
- D, Rất quan trọng

Đáp án: A

Câu 337. Đảng, Nhà nước ta xác định tập trung vào vấn đề gì trong công tác dân tộc hiện nay ?

- A, Nâng cao đời sống đồng bào các DT thiểu số, giữ gìn bản sắc VH
- B, Khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế ở vùng biên giới hải đảo
- C, Đào tạo nguồn nhân lực là con em đồng bào Dân tộc thiểu số
- D, Phương án B và C

Đáp án: A

Câu 338. Đảng ta có quan điểm về vấn đề Dân tộc và đại đoàn kết Dân tộc như thế nào trong sự nghiệp cách mạng của nước ta?

- A, Tất cả các phương án
- B, Quy hoạch lại dân cư, gắn phát triển KT với bảo đảm QPAN
- C, Cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp XD và BVTQ
- D, Chăm lo đời sống vật chất tinh thần, phát huy bản sắc VH Dân tộc

Đáp án: A

Câu 339. Quan điểm của Đảng ta về Dân tộc và đoàn kết Dân tộc hiện nay có vị trí như thế nào?

- A, Có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng
- B, Quan trọng trong việc chống phân biệt, giai cấp, dân tộc
- C, Đặc biệt quan trọng trong xây dựng đại đoàn kết dân tộc
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 340. Một trong những quan điểm chính sách của Đảng về quan hệ các dân tộc được đặt ra trong đại hội Đảng lần thứ X là gì?

- A, Bình đẳng, đoàn kết tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ
- B, Mọi quyền lợi về kinh tế giữa các DT phải được công khai
- C, Không đối xử phân biệt địa vị chính trị giữa các dân tộc
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 341. Đại hội Đảng lần thứ X đã đề ra quan điểm, chính sách trọng tâm đối với các Dân tộc ở Việt nam như thế nào?

- A, Ưu tiên đào tạo bồi dưỡng cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số
- B, Bài trừ tư tưởng cục bộ, hẹp hòi hoặc tư tưởng phân biệt Dân tộc,
- C, Động viên trí thức là người Dân tộc thiểu số về công tác tại địa phương
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 342. Đại hội Đảng lần thứ X đã đề ra quan điểm, chính sách trọng tâm đối với các Dân tộc ở Việt nam như thế nào?

- A, Phát triển KT, chăm lo đời sống VC, tinh thần cho nhân dân
- B, Xây dựng phát triển văn hóa, x hội cho đồng bào các Dân tộc
- C, Bảo đảm thông tin, giao thông phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa
- D, Phương án A và B

Đáp án: A

Câu 343. Nội dung văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X chỉ ra quan điểm chính sách trọng tâm về vấn đề dân tộc là gì?

- A, Phát triển, KT–XH ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, căn cứ cách mạng
- B, Quan tâm xây dựng các nhà máy công nghiệp ở miền núi
- C, Đầu tư vững mạnh cho y tế, giáo dục, giao thông miền núi
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 344. Nội dung văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X chỉ ra quan điểm chính sách dân tộc là gì?

- A, Làm tốt cùng tác định canh định cư và xây dựng kinh tế mới
- B, Vận động nhân dân thực hiện canh tác truyền thống
- C, Duy trì tất cả các chính sách về xây dựng kinh tế mới
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 345. Nội dung văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X chỉ ra quan điểm chính sách dân tộc là gì?

- A, Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư vùng thiểu số
- B, Xây dựng kế hoạch hóa gia đình vùng dân tộc thiểu số
- C, Thực hiện tốt các chính sách động viên nhân dân sống định canh
- D, Phương án A và C

Đáp án: A

Câu 346. Nội dung văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X chỉ ra quan điểm chính sách dân tộc là gì?

- A, Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng con em các dân tộc, thiểu số
- B, Ưu tiên cử cán bộ có kinh nghiệm vùng đồng bào dân tộc thiểu số
- C, Ưu tiên phát hiện nhân lực là nguồn đồng bào thiểu số
- D, Phương án B và C

Đáp án: A

Câu 347. Nội dung văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X chỉ ra quan điểm chính sách dân tộc là gì?

- A, Cán bộ phải hiểu phong tục, tập quán, tiếng nói, làm tốt công tác dân vận
- B, Tạo nguồn cán bộ phải biết tuyên truyền vận động quần chúng
- C, Cử cán bộ có khả năng và trình độ công tác lâu dài vùng đồng bào dân tộc thiểu số

D, Phương án A và C

Đáp án: A

Câu 348. Nội dung văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X chỉ ra quan điểm chính sách dân tộc là gì?

A, Chống biểu hiện kì thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc

B, Đấu tranh với biểu hiện ích kỷ, hẹp hòi, phá hoại đoàn kết

C, Phương án A và D

D, Bài trừ tư tưởng phân biệt địa vị xã hội giữa các dân tộc

Đáp án: A

Câu 349. Trong đời sống xã hội, tôn giáo là tổ chức có qui mô, hoạt động như thế nào?

A, Là một cộng đồng xã hội

B, Là tổ chức chính trị, xã hội

C, Là một tập thể dân cư tín ngưỡng

D, Là một bộ phận người tín ngưỡng mê tín

Đáp án: A

Câu 350. Hiện tượng, ý thức, hành vi của những người mê tín dị đoan biểu hiện như thế nào?

A, Hành vi cuồng vọng

B, Tư tưởng cực đoan

C, Hành vi mê muội

D, Hiện tượng ảo giác

Đáp án: A

Câu 351. Hoạt động xã hội của tôn giáo thông qua những yếu tố nào?

A, Hệ thống giáo lý

B, Nghi lễ tôn giáo

C, Tổ chức tôn giáo

D, Tất cả các phương án

Đáp án: D

Câu 352. Hoạt động xã hội tôn giáo bị chi phối bởi những yếu tố nào?

A, Tổ chức tôn giáo

B, Nghi lễ tôn giáo

C, Cuồng tín của tín đồ

D, Phương án A và B

Đáp án: D

Câu 353. Những yếu tố nào liên quan đến hoạt động xã hội của tôn giáo?

- A, Giáo sĩ tín đồ, cơ sở vật chất tôn giáo
- B, Quy định pháp luật về hoạt động tôn giáo
- C, Niềm tin nơi tôn giáo
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 354. Hoạt động xã hội của tôn giáo không thể hoạt động khi thiếu yếu tố nào sau đây?

- A, Tổ chức của tôn giáo
- B, Sự cuồng tín của tín đồ
- C, Hệ thống giáo lý
- D, Phương án A và C

Đáp án: D

Câu 355. Theo quan điểm của Đảng nhà nước ta, hoạt động mê tín dị đoan phải được giải quyết như thế nào?

- A, Bài trừ
- B, Làm giảm hoạt động mê tín dị đoan
- C, Để hoạt động tự nhiên
- D, Để tự tiêu tan

Đáp án: A

Câu 356. So sánh với tôn giáo, mê tín dị đoan thực chất là hoạt động gì?

- A, Tệ nạn xã hội
- B, Buôn thần bán thánh
- C, Mê muội mù quáng
- D, Lừa đảo chiếm đoạt

Đáp án: A

Câu 357. Tôn giáo được hình thành từ những yếu tố cơ bản nào?

- A, Tất cả các phương án
- B, Nguồn gốc kinh tế xã hội
- C, Nguồn gốc nhận thức tôn giáo
- D, Nguồn gốc tâm lý tôn giáo

Đáp án: A

Câu 358. Một trong những nguồn gốc hình thành tôn giáo trong xã hội là yếu tố nào?

- A, Nguồn gốc kinh tế xã hội
- B, Nguồn gốc từ quần chúng
- C, Nguồn gốc từ chính trị
- D, Nguồn gốc từ lịch sử

Đáp án: A

Câu 359. Yếu tố nào là nguồn gốc hình thành tôn giáo trong xã hội ?

- A, Nguồn gốc nhận thức
- B, Nguồn gốc chính trị
- C, Nguồn gốc tư tưởng
- D, Nguồn gốc đạo đức

Đáp án: A

Câu 360. Nguồn gốc nào là yếu tố hình thành tôn giáo trong xã hội ?

- A, Nguồn gốc tâm lý
- B, Nguồn gốc lịch sử
- C, Hoang đường ảo tưởng
- D, Sức khỏe yếu đuối

Đáp án: A

Câu 361. Quá trình hoạt động của tôn giáo trong xã hội được bộc lộ ra tính chất nào?

- A, Tất cả các phương án
- B, Tính lịch sử
- C, Tính quần chúng
- D, Tính chính trị

Đáp án: A

Câu 362. Một trong những tính chất của tôn giáo được bộc lộ trong đời sống xã hội là gì?

- A, Tính quần chúng
- B, Tính chiến đấu
- C, Tính phê phán cái ác
- D, Tính kinh tế xã hội

Đáp án: A

Câu 363. Trong xã hội có phân chia giai cấp tôn giáo thường bộc lộ ra tính chất gì?

- A, Tính chính trị
- B, Tính văn hóa xã hội

- C, Tính dân tộc
- D, Tính giai cấp

Đáp án: A

Câu 364. Các tôn giáo thường mang tính chất nào sau đây?

- A, Tính chất lịch sử
- B, Tính chất địa lý
- C, Tính x hội
- D, Tính chất tự nhiên

Đáp án: A

Câu 365. Quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa là gì?

- A, Tất cả các phương án
- B, Giải quyết vấn đề tôn giáo phải gắn liền với cải tạo x hội cũ
- C, Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng
- D, Quán triệt quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo

Đáp án: A

Câu 366. Nội dung cốt lõi trong công tác tôn giáo của Đảng là công tác vận động quần chúng như thế nào?

- A, Sống tốt đời đẹp đạo
- B, Sống đùm bọc giúp đỡ nhau
- C, Sống tự do tín ngưỡng
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 367. Chính sách tôn giáo của Đảng khẳng định vị trí của đồng bào tôn giáo là một bộ phận như thế nào trong khối đại đoàn kết dân tộc?

- A, Quan trọng
- B, Rất quan trọng
- C, Cực kỳ quan trọng
- D, Đặc biệt quan trọng

Đáp án: A

Câu 368. Âm mưu lợi dụng vấn đề tôn giáo của địch, coi tôn giáo là lực lượng như thế nào để chống phá Đảng, nhà nước ta?

- A, Lực lượng đối trọng
- B, Lực lượng đối đầu
- C, Lực lượng to lớn

D, Là đối tượng đấu tranh

Đáp án: A

Câu 369. Để thực hiện âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt nam, địch nhằm vào mục tiêu nào?

A, Tất cả các phương án

B, Làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc

C, Xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng

D, Vô hiệu hóa sự quản lý của nhà nước

Đáp án: A

Câu 370. Địch nhằm vào mục tiêu nào để thực hiện âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt nam,?

A, Làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc,

B, Chủng lợi dụng DT, TG để li khai

C, Xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 371. Lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt nam, địch thường nhằm vào mục tiêu nào?

A, Xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng,

B, Chủng lợi dụng DT, TG để li khai

C, Xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 372. Thực hiện âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo địch nhằm vào mục tiêu nào để chống phá cách mạng Việt nam,?

A, Vô hiệu hóa sự quản lý của Nhà nước với xã hội

B, Chủng lợi dụng dân tộc, tôn giáo để li khai

C, Xuyên tạc CNML, tư tưởng HCM

D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 373. Thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của địch là gì?

A, Tất cả các phương án

B, Xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

C, Chủng lợi dụng dân tộc, tôn giáo để kích động

D, Chúng tập trung phá hoại các cơ sở KT,XH

Đáp án: A

Câu 374. Thủ đoạn nào là thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của địch?

- A, Làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc
- B, Xây dựng, nuôi dưỡng tổ chức phản động
- C, Xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng ta
- D, Tất cả các phương án

Đáp án: B

Câu 375. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

- A, Tất cả các phương án B, C và D
- B, Tuyên truyền, quán triệt quan điểm chính sách DT, TG của Đảng
- C, Tăng cường xây dựng, củng cố khối ĐĐK dân tộc
- D, Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân

Đáp án: A

Câu 376. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

- A, Tất cả các phương án B, C và D
- B, Tuyên truyền, quán triệt quan điểm chính sách DT, TG của Đảng
- C, Tăng cường xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc
- D, Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị tham gia phòng chống

Đáp án: A

Câu 377. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

- A, Tất cả các phương án B, C và D
- B, Tuyên truyền, quán triệt quan điểm chính sách DT, TG Đảng
- C, Tăng cường xây dựng, củng cố khối ĐĐK dân tộc
- D, Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại âm mưu của địch

Đáp án: A

Câu 378. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

- A, Tất cả các phương án B, C và D
- B, Tuyên truyền, quán triệt quan điểm chính sách DT, TG của Đảng

C, Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị phòng chống sự lợi dụng của địch

D, Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân

Đáp án: A

Câu 379. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Tuyên truyền, quán triệt quan điểm chính sách DT, TG của Đảng

C, Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, làm thất bại âm mưu của địch

D, Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân

Đáp án: A

Câu 380. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Tuyên truyền, quán triệt quan điểm chính sách DT, TG của Đảng

C, Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị phòng chống sự lợi dụng của địch

D, Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, làm thất bại mọi âm mưu của địch

Đáp án: A

Câu 381. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

C, Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị phòng chống sự lợi dụng của địch

D, Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân

Đáp án: A

Câu 382. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, làm thất bại mọi âm mưu của địch

C, Tuyên truyền, quán triệt quan điểm chính sách DT, TG của Đảng

D, Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân

Đáp án: A

Câu 383. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị phòng chống sự lợi dụng của địch

C, Chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu của địch

D, Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân

Đáp án: A

Câu 384. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Ra sức tuyên truyền quán triệt quan điểm chính sách của Đảng

B, Xây dựng các cơ sở kinh tế xã hội vững mạnh toàn diện

C, Chủ động đập tan âm mưu chống phá của các tổ chức phản động

D, Tất cả các phương án A, B và C

Đáp án: A

Câu 385. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Tăng cường củng cố khối đại đoàn kết dân tộc

B, Xây dựng các cơ sở kinh tế xã hội vững mạnh toàn diện

C, Chủ động đập tan âm mưu chống phá của các tổ chức phản động

D, Tất cả các phương án A, B và C

Đáp án: A

Câu 386. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Chăm lo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân

B, Xây dựng các cơ sở kinh tế xã hội vững mạnh toàn diện

C, Chủ động đập tan âm mưu chống phá của các tổ chức phản động

D, Tất cả các phương án A, B và C

Đáp án: A

Câu 387. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị phòng chống sự lợi dụng của địch

B, Xây dựng các cơ sở kinh tế xã hội vững mạnh toàn diện

C, Chủ động đập tan âm mưu chống phá của các tổ chức phản động

D, Tất cả các phương án

Đáp án: A

Câu 388. Giải pháp nào là giải pháp đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam

A, Chủ động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng làm thất bại mọi âm mưu của địch

B, Xây dựng các cơ sở kinh tế xã hội vững mạnh toàn diện

C, Chủ động đập tan âm mưu chống phá của các tổ chức phản động

D, Tất cả các phương án A, B và C

Đáp án: A

Câu 389. Theo từ điển bách khoa tôn giáo năm 2001, tôn giáo nào có số lượng chức sắc tín đồ lớn nhất thế giới?

A, Ki tô giáo

B, Hồi giáo

C, Ấn Độ giáo

D, Phật giáo

Đáp án: A

Câu 390. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

A, Tất cả phương án B, C và D

B, Dân số và trình độ KT-XH không đều

C, Sự thống trị kích động chia rẽ dân tộc

D, Sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý

Đáp án: A

Câu 391. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lê nin, vấn đề dân tộc còn tồn tại lâu dài do nguyên nhân nào?

A, Dân số và trình độ KT-XH không đều

B, Nạn phân biệt chủng tộc

C, Mâu thuẫn dân tộc không thể giải quyết

D, Tất cả các phương án A, B và C

Đáp án: A

Câu 392. Các dân tộc của Việt Nam có đặc điểm như thế nào?

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Truyền thống, đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất

C, Dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán, xen kẽ trên địa bàn rộng lớn

D, Các Dân tộc VN có sắc thái văn hóa riêng tạo nên sự đa dạng phong phú văn hoá Việt Nam

Đáp án: A

Câu 393. Đảng ta xác định tập trung vào những vấn đề gì trong công tác dân tộc hiện nay ?

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Khắc phục sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế x hội giữa các daan tộc

C, Nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc, giữ gìn, phát huy bản sắc VH

D, Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ

Đáp án: A

Câu 394. Đảng, Nhà nước ta xác định tập trung vào vấn đề gì trong công tác dân tộc hiện nay ?

A, Khắc phục sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế x hội,

B, Khuyến khích vận động cán bộ công tác ở vùng sâu, vùng xa

C, Thay đổi chính sách kinh tế, x hội phù hợp với từng vùng

D, Phương án A và B

Đáp án: A

Câu 395. Đảng, Nhà nước ta xác định tập trung vào vấn đề gì trong công tác dân tộc hiện nay ?

A, Thực hiện chính sách bình đẳng đoàn kết các dân tộc

B, Phương án A và C

C, Ưu tiên phát triển ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới

D, Xây dựng kế hoạch nhân lực công tác ở những vùng khó khăn

Đáp án: A

Câu 396. Các dân tộc của Việt Nam có đặc điểm như thế nào?

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Truyền thống, đoàn kết gắn bó xây dựng quốc gia dân tộc thống nhất

C, Dân tộc thiểu số ở Việt Nam cư trú phân tán, xen kẽ trên địa bàn rộng lớn

D, Dân tộc ở nước ta có quy mô dân số, trình độ phát triển không đồng đều

Đáp án: A

Câu 397. Thủ đoạn nào là thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của địch?

A, Tất cả các phương án B, C và D

B, Xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh

- C, Chúng lợi dụng vấn đề daan tộc, tôn giáo để kích động
- D, Xây dựng, nuôi dưỡng tổ chức phản động

Đáp án: A

Câu 398. Thủ đoạn nào là thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của địch?

- A, Tất cả các phương án B, C và D
- B, Xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh
- C, Tập trung phá hoại các cơ sở KT, XH
- D, Xây dựng, nuôi dưỡng tổ chức phản động

Đáp án: A

Câu 399. Thủ đoạn nào là thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của địch?

- A, Lợi dụng những vấn đề tôn giáo để kích động
- B, Tập trung phá hoại các cơ sở KT, XH
- C, Xây dựng, nuôi dưỡng tổ chức phản động
- D, Tất cả các phương án A, B và C

Đáp án: D

Câu 400. Thủ đoạn nào là thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của địch?

- A, Tìm mọi cách làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc
- B, Tìm mọi cách xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam
- C, Tất cả các phương án A, B và D
- D, Chúng tập trung phá hoại các cơ sở kinh tế - xã hội

Đáp án: D

Câu 400: Vị trí, vai trò của việc phòng chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự An toàn giao thông ở Việt Nam hiện nay?

- A. Là vấn đề không quan trọng.
- B. Là vấn đề ít quan trọng.
- C. Là vấn đề quan trọng.
- D. Là vấn đề đặc biệt quan trọng.

Câu 402: Nguy cơ tai nạn giao thông thuộc loại hình an ninh nào dưới đây?

- A. An ninh phi truyền thống.
- B. An ninh quốc tế.
- C. An ninh quốc gia.
- D. An ninh truyền thống.

Câu 403: Trật tự, an toàn giao thông là gì?

- A. Là người tham gia giao thông chấp hành nghiêm pháp luật.
- B. Là trạng thái xã hội có trật tự về an toàn giao thông.
- C. Là phương tiện giao thông chấp hành nghiêm pháp luật.
- D. Là người và phương tiện giao thông tự giác, gương mẫu chấp hành pháp luật giao thông.

Câu 404: Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông nhằm mục đích gì?

- A. Để ổn định trật tự an toàn xã hội.
- B. Để ổn định và phát triển KT-XH đất nước nói chung, địa phương nói riêng.
- C. Điều kiện cần thiết để phát triển KT-XH, củng cố AN-QP và ổn định trật tự an toàn xã hội.
- D. Điều kiện cần thiết để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay.

Câu 405: Pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông là gì?

- A. Là một hệ thống pháp luật riêng.
- B. Là một bộ phận của hệ thống pháp luật hành chính nhà nước.
- C. Là một nội dung của hệ thống pháp luật hình sự.
- D. Là một nội dung quan trọng nhất của pháp luật nhà nước.

Câu 406: Vai trò của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông?

A. Là công cụ bạo lực sắc bén của nhà nước để bảo đảm trật tự ATGT và trật tự An toàn xã hội.

B. Là nguyện vọng, ý chí của nhân dân về đảm bảo trật tự ATGT và trật tự an toàn xã hội.

C. Là công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự ATGT và trật tự an toàn xã hội.

D. Là ý chí, nguyện vọng của nhà nước và nhân dân về đảm bảo trật tự ATGT và trật tự an toàn xã hội.

Câu 407: Vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông diễn ra trên những dạng chính nào?

A. Vi phạm hình sự .

B. Vi phạm dân sự.

C. Vi phạm hành chính và vi phạm hình sự.

D. Vi phạm dân sự và hình sự.

Câu 408: Vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông sẽ bị xử lý như thế nào?

A. Xử phạt hình sự.

B. Truy tố trước pháp luật.

C. Xử phạt dân sự.

D. Xử phạt vi phạm hành chính.

Câu 409: Nghị định nào sau đây quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đường bộ và đường sắt có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2020?

A. Nghị định 99/2019/NĐ-CP

B. Nghị định 100/2019/NĐ-CP

C. Nghị định 100/2020/NĐ-CP

D. Nghị định 101/2019/NĐ-CP

Đáp án: B

Câu 410: Nghị định 100/2019 có hiệu lực từ ngày 1/1/2020, sau 1 năm đi vào thực tiễn thì tình hình vi phạm pháp luật an toàn giao thông đường bộ và đường sắt ở Việt Nam diễn ra theo xu hướng nào dưới đây?

A. Số vụ việc vi phạm pháp luật ATGT tăng cao.

- B. Số vụ việc vi phạm pháp luật ATGT tăng nhẹ.
- C. Số vụ việc vi phạm pháp luật ATGT không tăng, không giảm.
- D. Số vụ việc vi phạm pháp luật ATGT giảm.

Câu 411: Điều và bộ luật nào sau đây quy định xử phạt hình sự người tham gia giao thông phạm tội gây thiệt hại về người và tài sản?

- A. Điều 259, Bộ Luật hình sự năm 2015
- B. Điều 260, Bộ Luật hình sự năm 2015
- C. Điều 261, Bộ Luật hình sự năm 2015
- D. Điều 262, Bộ Luật hình sự năm 2015

Câu 412: Theo quy định tại Bộ Luật hình sự năm 2015 thì người tham gia giao thông phạm tội gây thiệt hại về người và tài sản thì bị phạt tù tối đa bao nhiêu năm?

- A. Phạt tù 05 năm.
- B. Phạt tù 10 năm.
- C. Phạt tù 15 năm.
- D. Phạt tù 20 năm.

Câu 413: Ba chỉ số cơ bản nào để đánh giá thực trạng vi phạm pháp luật đảm bảo trật tự an toàn giao thông hàng năm ở Việt Nam?

- A. Số vụ, số người chết, số người bị thương.
- B. Số vụ, số người chết, số phương tiện bị hư.
- C. Số người chết, số người bị thương, số phương tiện bị hư.
- D. Số phương tiện bị hư, số người chết, số người bị thương.

Câu 414: Loại mặt đường nào thường xảy ra nhiều vụ tai nạn giao thông nhất ở Việt Nam trong những năm gần đây?

- A. Đường đất.
- B. Đường đá.
- C. Đường bê tông nhựa.
- D. Đường bê tông xi măng.

Câu 415: Hình thức va chạm khi xảy ra tai nạn giao thông nhiều nhất ở Việt Nam trong những năm gần đây?

- A. Xe với xe.
- B. Xe với người.
- C. Xe với động vật.
- D. Phương tiện giao thông tự gây tai nạn.

Câu 416: Phương tiện nào thường xảy ra tai nạn giao thông nhiều nhất ở Việt Nam trong những năm gần đây?

- A. Xe đạp
- B. Xe máy
- C. Ô tô
- D. Tàu hỏa

Câu 417: Độ tuổi của người bị tai nạn giao thông nhiều nhất ở Việt Nam trong những năm gần đây?

- A. Dưới 18 tuổi.
- B. Từ 18 đến 27 tuổi.
- C. Từ 27 đến 55 tuổi.
- D. Từ 55 tuổi trở lên.

Câu 418: Thời gian thường xảy ra nhiều nhất các vụ việc tai nạn giao thông ở Việt Nam trong những năm gần đây?

- A. Từ 0h đến 6h sáng.
- B. Từ 6h sáng đến 12h trưa.
- C. Từ 12h trưa đến 18h chiều.
- D. Từ 18h chiều đến 24h đêm.

Câu 419: Loại hình giao thông nào xảy ra nhiều vụ việc vi phạm trật tự an toàn giao thông nhất ở Việt Nam trong những năm gần đây?

- A. Đường bộ.
- B. Đường sắt.
- C. Đường thủy.
- D. Đường không.

Câu 420: Nguyên nhân lớn nhất dẫn đến các vụ việc tai nạn giao thông ở Việt Nam trong những năm gần đây?

- A. Do chất lượng phương tiện xuống cấp
- B. Do ý thức và kỹ năng của người điều khiển phương tiện giao thông.
- C. Do cơ sở hạ tầng giao thông chưa đáp ứng yêu cầu.
- D. Do tác động của thiên nhiên, thời tiết, môi trường giao thông.

Câu 421: Đây là phương tiện chủ yếu của người dân Việt Nam khi tham gia giao thông trong những năm gần đây?

- A. Xe đạp.
- B. Xe máy.
- C. Ô tô.
- D. Tàu, thuyền.

Câu 422: Ở Việt Nam, phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, xe khách, tàu hỏa, tàu điện ngầm...) đã đáp ứng được nhu cầu giao thông của người dân ở các đô thị lớn chưa?

- A. Đáp ứng rất tốt nhu cầu.
- B. Đáp ứng tốt nhu cầu.

- C. Đáp ứng nhu cầu.
- D. Chưa đáp ứng được nhu cầu.

Câu 423: Loại hình giao thông nào đang chiếm tỉ trọng vận tải người và hàng hóa cao nhất ở Việt Nam hiện nay?

- A. Đường bộ.
- B. Đường sắt.
- C. Đường thủy.
- D. Đường không.

Câu 424: Trên phạm vi thế giới, nhóm nước nào có tỉ lệ vi phạm trật tự an toàn giao thông và tai nạn giao thông nhiều nhất?

- A. Các nước có thu nhập thấp.
- B. Các nước có thu nhập trung bình.
- C. Các nước có thu nhập khá.
- D. Các nước có thu nhập cao.

Câu 425: Chủ thể đấu tranh, phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông ở Việt Nam hiện nay?

- A. Các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ và UBND các cấp.
- B. Các cơ quan Nhà nước và người tham gia giao thông.
- C. Các cơ quan Đảng, Nhà nước và lực lượng vũ trang nhân dân.
- D. Các cơ quan Đảng - Nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân.

Câu 426: Ủy ban an toàn giao thông quốc gia Việt Nam có nhiệm vụ gì?

- A. Thanh tra, giám sát an toàn giao thông.
- B. Xây dựng hệ thống pháp luật an toàn giao thông.
- C. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các chiến lược, đề án quốc gia về bảo đảm TT, ATGT.
- D. Biểu dương, khen thưởng, xử phạt người tham gia giao thông.

Câu 427: Văn hóa giao thông là gì?

- A. Tự giác, gương mẫu chấp hành pháp luật về giao thông.
- B. Tự giác chấp hành đèn hiệu và biển báo giao thông.

C. Tự giác chấp hành hiệu lệnh của cảnh sát giao thông.

D. Tự giác đi đúng làn đường theo quy định.

Câu 428: Để hạn chế thấp nhất các vụ việc vi phạm pháp luật giao thông trong đối tượng học sinh, sinh viên (HS, SV) cần thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp nào?

A. HS, SV – Gia đình – Nhà trường.

B. HS, SV – Gia đình – Cảnh sát giao thông.

C. HS, SV – Nhà trường – Thanh tra giao thông.

D. HS, SV – Nhà trường – Cảnh sát giao thông

Câu 429: Các loại giấy tờ cơ bản nào mà người điều khiển phương tiện giao thông cần có khi tham gia giao thông?

A. Giấy phép lái xe; Đăng kí xe; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

B. Giấy phép lái xe; Đăng kí xe; Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

C. Giấy phép lái xe; Đăng kí xe; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự; Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

D. Chứng minh thư nhân dân; Giấy phép lái xe; Bảo hiểm trách nhiệm dân sự; Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Câu 430: Điều 16, Thông tư 65/2020/TT-BCA của Bộ Công an có hiệu lực từ ngày 5/8/2020 quy định: Cảnh sát giao thông được dừng phương tiện giao thông để kiểm tra trong bao nhiêu trường hợp?

A. Ba trường hợp.

B. Bốn trường hợp.

C. Năm trường hợp.

D. Sáu trường hợp.

Câu 431: Điều 24, Thông tư 65/2020/TT-BCA của Bộ Công an quy định: Từ ngày 5/8/2020, Cảnh sát giao thông có quyền được xử lý vi phạm giao thông qua trường hợp nào dưới đây?

- A. Xử lý vi phạm qua kiểm tra, kiểm soát.
- B. Xử lý vi phạm qua hình thức phạt nguội.
- C. Xử lý vi phạm qua hình ảnh trên mạng xã hội.
- D. Xử lý vi phạm rồi thông báo về cơ quan, gia đình.

Câu 432: Điều 18, Thông tư 65/2020/TT-BCA của Bộ Công an có hiệu lực từ ngày 5/8/2020 quy định: Cảnh sát giao thông khi dừng phương tiện giao thông để kiểm tra phải thực hiện động tác đầu tiên nào sau đây?

- A. Thực hiện động tác chào theo Điều lệnh CAND.
- B. Yêu cầu chủ phương tiện báo cáo tình trạng phương tiện giao thông.
- C. Yêu cầu chủ phương tiện xuất trình giấy tờ để kiểm tra .
- D. Thực hiện động tác chào theo Điều lệnh CAND hoặc chào bằng lời nói.

Câu 433: Điều 22, Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định: Quá trình tham gia giao thông, loại xe nào dưới đây được các phương tiện giao thông khác ưu tiên nhường đường?

- A. Xe đám cưới.
- B. Xe bệnh viện.
- C. Xe chữa cháy đi làm nhiệm vụ.
- D. Xe Quân đội, Công an.

Câu 434. Nghị định 100 /2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ 1/1/2020 tại Khoản 4, Điều 5 quy định: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô thực hiện hành vi vi phạm nào sau đây:

- A. Điều khiển phương tiện giao thông đi vào đường cấm.
- B. Điều khiển phương tiện giao thông đi vào đường ngược chiều.
- C. Điều khiển phương tiện giao thông chở quá số người quy định.
- D. Dùng tay sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe chạy trên đường.

Câu 435: Nghị định 100 /2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ 1/1/2020 tại Khoản 4, Điều 6 quy định: Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy thực hiện hành vi vi phạm nào sau đây:

- A. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 1km/h đến 5km/h.
- B. Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h.
- C. Điều khiển xe chạy vào đường cấm.
- D. Điều khiển xe chở quá số người theo quy định.

Câu 436: Nghị định 100 /2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ 1/1/2020 tại Khoản 10, Điều 11 quy định: Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện hành vi vi phạm nào sau đây?

- A. Xâm phạm sức khỏe, tài sản của lực lượng CSGT.
- B. Xâm phạm sức khỏe, tài sản của người bị nạn hoặc người gây tai nạn.
- C. Có hành vi đe dọa lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ xử lý TNGT.
- D. Có hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ năm 2008.

Câu 437: Nghị định 100 /2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ 1/1/2020 tại Khoản 1, Điều 34 quy định: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người thực hiện hành vi vi phạm nào sau đây?

- A. Sử dụng phương tiện giao thông đua xe trái pháp luật.
- B. Tụ tập gây rối, cản trở lực lượng cảnh sát giao thông thực hiện nhiệm vụ.
- C. Tụ tập gây rối an ninh trật tự, cản trở các phương tiện giao thông.
- D. Tụ tập để cổ vũ, kích động hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định, lạng lách, đánh võng, đuổi nhau trên đường hoặc đua xe trái phép.

Câu 438. Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ 1/1/2020 tại Khoản 2, Điều 34 quy định: Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng và tịch thu phương tiện đối với người thực hiện hành vi vi phạm nào dưới đây?

- A. Người đua xe đạp, đua xe đạp máy, đua xe xích lô, đua xe súc vật kéo trái phép.
- B. Người cưỡi súc vật chạy đua trái phép trên đường giao thông.
- C. Người đua xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện trái phép.
- D. Người đua xe ô tô trái phép.

Câu 439: Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ 1/1/2020 tại Điểm c, Khoản 4, Điều 8 quy định: Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác thực hiện hành vi vi phạm nào sau đây?

- A. Điều khiển xe đi vào đường ngược chiều.
- B. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;
- C. Điều khiển xe đi vào đường cấm.
- D. Điều khiển xe chở quá số người theo quy định.

Câu 440: Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ 1/1/2020 tại Điểm e, Khoản 8, Điều 6 quy định: Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe máy, xe mô tô thực hiện hành vi vi phạm nào sau đây?

- A. Điều khiển xe chở quá 1 người so với quy định.
- B. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.
- C. Điều khiển xe đi vào đường cấm, đường cao tốc.
- D. Điều khiển xe không đảm bảo chất lượng an toàn và khí thải.

Câu 441: Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ có hiệu lực từ 1/1/2020 tại Điểm c, Khoản 8, Điều 5 quy định: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô thực hiện hành vi vi phạm nào sau đây?

- A. Điều khiển xe đi vào đường cấm.
- B. Điều khiển xe đi vào đường ngược chiều.
- C. Điều khiển xe chở quá số người theo quy định.
- D. Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililít máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở.

Câu 442. Luật An toàn thông tin được ban hành vào năm nào?

- A, 2015
- B, 2016
- C, 2017
- D, 2019

Câu 443. An ninh mạng được hiểu như thế nào là đúng?

A, Là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên ti vi tránh bị truy nhập, sử dụng

B, Là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng, tiết lộ, gián đoạn, sửa đổi hoặc phá hoại trái phép nhằm bảo đảm tính nguyên vẹn, tính bảo mật và tính khả dụng của thông tin”

C, Là sự bảo vệ thông tin, hệ thống thông tin trên mạng tránh bị truy nhập, sử dụng và phát tán trên truyền hình

D, “Là sự bảo đảm hoạt động trên không gian mạng không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”

Câu 444. Luật An ninh mạng được ban hành vào năm nào?

A, 2015

B, 2016

C, 2018

D, 2019

Câu 445. Trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, thông tin là?

A, Một dạng tài sản quý hiếm

B, Một dạng vật chất

C, Một dạng tài nguyên

D, Một nguồn thông tin quan trọng

Câu 446. Thực trạng an toàn thông tin ở Việt Nam?

A, Tại Việt Nam, tình hình an toàn an ninh mạng tiếp tục diễn biến phức tạp, tồn tại nhiều cơ sở gây nguy cơ bị tấn công, phá hoại hạ tầng mạng thông tin, ảnh hưởng tới an ninh quốc gia

B, Tại Việt Nam, tình hình an toàn an ninh mạng tiếp tục có những diễn biến phức tạp khó lường

C, Tại Việt Nam, tình hình an toàn an ninh mạng tiếp tục có những diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế xã hội

D, Tại Việt Nam, tình hình an toàn an ninh mạng tiếp tục diễn biến phức tạp, tồn tại nhiều cơ sở gây nguy cơ bị tấn công, phá hoại hạ tầng mạng thông tin, ảnh hưởng tới an ninh kinh tế

Câu 447. Thuật ngữ spam lần đầu xuất hiện vào năm nào?

A, 1970

B, 1973

C, 1978

D, 1980

Câu 448. Tin giả được hiểu như thế nào là đúng?

A, Tin giả là “những thông tin gần đúng sự thật, thường là tin giật gân, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức”.

B, Tin giả là “những thông tin sai sự thật, thường là tin được cập nhật nhanh nhất, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức”.

C, Tin giả là “những thông tin sai sự thật, thường là tin giật gân, được phát tán dưới vỏ bọc tin tức”.

D, Tin giả là “những thông tin sai sự thật, thường là tin giật gân, được phát tán trên mạng”.

Câu 449. Tin giả có thể được tạo và lan truyền nhằm các mục đích gì?

A, Chính trị

B, Văn hóa

C, Thể thao

D, Mua chuộc

Câu 450. Điều 101, Nghị định 15 quy định phạt tiền như thế nào?

A, Từ 10 đến 50 triệu đồng

B, Từ 10 đến 40 triệu đồng

C, Từ 10 đến 30 triệu đồng

D, Từ 10 đến 20 triệu đồng

Câu 451. Theo Điều 8 Luật An ninh mạng (2018), các hành vi bị nghiêm cấm là?

- A, Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống phá Đảng và Nhà nước
- B, Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- C, Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống phá xã hội
- D, Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống phá chính quyền

Câu 452. Theo Điều 8 Luật An ninh mạng (2018), các hành vi bị nghiêm cấm là?

- A, Xuyên tạc lịch sử, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc
- B, Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc
- C, Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu của sự nghiệp đổi mới đất nước
- D, Phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc

Câu 453. Theo Điều 8 Luật An ninh mạng (2018), các hành vi bị nghiêm cấm là?

- A, Xúi giục, lôi kéo, kích động
- B, Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người
- C, Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác
- D, Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà

nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, xúi giục, lôi kéo, kích động

Câu 454. Làm thế nào Hacker có thể chiếm quyền giám sát Camera IP ?

- A, Tấn công trực tiếp vào thiết bị Camera rồi sau đó Hacker tìm cách xâm nhập vào hệ thống để xem hình ảnh, video trái phép
- B, Hacker tìm cách xâm nhập vào hệ thống để xem hình ảnh, video trái phép
- C, Tấn công trực tiếp vào thiết bị Camera bằng cách Quét (Scan) IP
- D, Tấn công trực tiếp vào thiết bị Camera bằng cách Quét (Scan) IP và Port của Camera rồi sau đó Hacker tìm cách xâm nhập vào hệ thống để xem hình ảnh, video trái phép

Câu 455. Luật An toàn thông tin có hiệu lực thi hành từ ngày?

- A, 01/01/2016
- B, 01/12/2015
- C, 01/7/2016
- D, 01/7/2017

Câu 456. Luật An toàn thông tin mạng gồm?

- A, 08 Chương và 54 Điều
- B, 08 Chương và 53 Điều
- C, 08 Chương và 52 Điều
- D, 08 Chương và 51 Điều

Câu 457. Luật An ninh mạng có hiệu lực thi hành từ ngày?

- A, 01/7/2019
- B, 01/7/2018
- C, 01/03/2019
- D, 01/01/2019

Câu 458. Luật An ninh mạng gồm?

- A, 04 Chương và 43 Điều

B, 07 Chương và 43 Điều

C, 05 Chương và 43 Điều

D, 06 Chương và 43 Điều

Câu 459. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

A, Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền quốc gia, các lợi ích và sự nguy hại đến từ không gian mạng

B, Bảo vệ chủ quyền quốc gia còn là bảo vệ không gian mạng của quốc gia, bao gồm, bảo vệ các hệ thống thông tin

C, Đảm bảo quyền bình đẳng trong tham dự quản lý mạng Internet quốc tế

D, Cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân cần nhận thức rõ các nguy cơ đến từ không gian mạng như: tấn công mạng, gián điệp mạng, khủng bố mạng, tội phạm mạng, đặc biệt là nguy cơ chiến tranh mạng đang là thách thức gay gắt về an ninh, và bảo đảm an ninh mạng đang trở thành trọng tâm ưu tiên của quốc gia

Câu 460. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

A, Phối hợp và tuân thủ của các tổ chức Internet lớn trên thế giới với luật pháp Việt Nam

B, Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân khi tham gia các hoạt động trên không gian mạng

C, Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý không gian mạng.

D, Tập trung nguồn lực để xây dựng, từng bước phát triển nền công nghiệp công nghệ thông tin, đặc biệt là công nghiệp an ninh thông tin (an ninh mạng) của Việt Nam

Câu 461. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

A, Cần nhận thức rõ, an ninh thông tin là độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia trên không gian thông tin, sự an toàn, phát triển ổn định, vững mạnh của lĩnh vực thông tin, hệ thống thông tin quốc gia

B, Coi trọng và sử dụng đồng bộ các biện pháp chính trị, pháp luật, khoa học kỹ thuật, tuyên truyền - giáo dục, tổ chức – hành chính, kinh tế, ngoại giao và nghiệp vụ chuyên môn

C, Nâng cao nhận thức, kỹ năng về đảm bảo an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức và người dùng, thông qua các hội nghị, hội thảo cũng như các chương trình tập huấn, diễn tập

D, Bồi dưỡng kỹ năng nhận diện các âm mưu, thủ đoạn tấn công mạng và các hình thái phát sinh trên không gian mạng

Câu 462. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

A, Nâng cao nhận thức về an ninh thông tin và bảo đảm an ninh thông tin

B, Nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử dụng biện pháp kỹ thuật để khắc phục hậu quả trong trường hợp bị tấn công trên không gian mạng

C, Có những kế hoạch hợp lý khai thác và bảo vệ tài nguyên thông tin quốc gia phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh

D, Cần có cơ chế đặc thù để tập trung nguồn lực xây dựng cho bằng được mạng xã hội, công cụ tìm kiếm, hệ điều hành tiện ích riêng của Việt Nam tương thích với quốc tế, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường và trong xã hội

Câu 463. Giải pháp phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng?

A, Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách an ninh mạng, lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, nhà trường trong giáo dục nâng cao ý thức làm chủ và bảo vệ không gian mạng

B, Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của nhà nước trong bảo vệ không gian mạng

C, Phát huy vai trò của cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh mạng

D, Phát huy vai trò của các cơ quan, ban ngành trong bảo vệ an ninh mạng

Câu 464. Nội dung của An ninh phi truyền thống?

A. Di dân tự do

B. Tổ chức đua xe trái phép

C. Chủ nghĩa khủng bố

D. Vi phạm luật giao thông

Câu 465. Đại hội XII yêu cầu ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống?

- A. Sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống
- B. Tích cực ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống
- C. Xây dựng phương án ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống
- D. Chuẩn bị ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

Câu 466. Các mối đe dọa an ninh phi truyền thống?

- A. Bạo lực
- B. Chủ quyền quốc gia
- C. Phi bạo lực
- D. Bạo lực và phi bạo lực

Câu 467. Bối cảnh nảy sinh an ninh phi truyền thống?

- A. Xu thế vận động của ngành công nghiệp
- B. Sự biến đổi của cục diện thế giới sau chiến tranh lạnh
- C. Giai đoạn phát triển chủ nghĩa độc quyền
- D. Đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế

Câu 468. Những thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở nước ta hiện nay?

- A. Giảm thu ngân sách nhà nước
- B. Mất cân bằng về kinh tế các khu vực
- C. Gia tăng các tệ nạn xã hội
- D. Làm suy giảm sức mạnh quốc phòng của đất nước

Câu 469. Nội dung của An ninh phi truyền thống?

- A. Di dân tự do
- B. Biến đổi khí hậu
- C. Các tệ nạn xã hội
- D. Vi phạm luật giao thông

Câu 470. Giải pháp cơ bản nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Xây dựng các kế hoạch tuyên truyền
- B. Vận động nhân dân phát giác, tố giác
- C. Huy động các nguồn lực ở cơ sở
- D. Nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân

Câu 471. Giải pháp chủ động, tích cực nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Xây dựng các kế hoạch tuyên truyền
- B. Vận động nhân dân phát giác, tố giác
- C. Đầu tư phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân

D. Huy động các nguồn lực ở cơ sở

Câu 472. Giải pháp sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng các cấp
- B. Vận động nhân dân phát giác, tố giác
- C. Xây dựng các kế hoạch tuyên truyền
- D. Huy động các nguồn lực ở cơ sở

Câu 473. Giải pháp mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Thông qua đàm phán hoà bình giao
- B. Chủ động tích cực hợp tác cùng các nước, các tổ chức
- C. Dùng vũ lực của quốc gia
- D. Thông qua thương lượng

Câu 474. Giải pháp huy động nguồn lực tài chính nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Dùng vũ lực của quốc gia
- B. Thông qua đàm phán hoà bình giao
- C. Thông qua thương lượng
- D. Nguồn tài chính ngân sách nhà nước

Câu 475. Bối cảnh nảy sinh an ninh phi truyền thống?

- A. Quá trình toàn cầu hóa diễn ra trên phạm vi rộng, tốc độ nhanh
- B. Xu thế vận động của ngành công nghiệp
- C. Giai đoạn phát triển chủ nghĩa độc quyền
- D. Phát triển dân số không đồng đều giữa các quốc gia

Câu 476. Những thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở nước ta hiện nay?

- A. Giảm thu ngân sách nhà nước
- B. Mất cân bằng về kinh tế các khu vực
- C. Gia tăng các tệ nạn xã hội
- D. Gây mất ổn định quốc gia

Câu 477. Nội dung của An ninh phi truyền thống?

- A. An ninh môi trường
- B. Các tệ nạn xã hội
- C. Di dân tự do
- D. Vi phạm luật giao thông

Câu 478. Nội dung của An ninh phi truyền thống?

- A. Di dân tự do
- B. Các tệ nạn xã hội
- C. Dịch bệnh

D. Vi phạm luật giao thông

Câu 479. Giải pháp chủ động, tích cực nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Hoàn thiện hệ thống thể chế quản trị an ninh phi truyền thống
- B. Vận động nhân dân phát giác, tố giác
- C. Xây dựng các kế hoạch tuyên truyền
- D. Huy động các nguồn lực ở cơ sở

Câu 480. Giải pháp sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Phát huy vai trò Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị xã hội
- B. Vận động nhân dân phát giác, tố giác
- C. Xây dựng các kế hoạch tuyên truyền
- D. Huy động các nguồn lực ở cơ sở

Câu 481. Giải pháp mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Thông qua đàm phán hoà bình
- B. Dùng vũ lực của quốc gia
- C. Thông qua cơ chế và phương thức đa tầng, đa dạng và linh hoạt
- D. Thông qua thương lượng

Câu 482. Giải pháp huy động nguồn lực tài chính nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Nguồn tài chính doanh nghiệp
- B. Huy động các nguồn lực ở cơ sở
- C. Thông qua đàm phán hoà bình
- D. Xây dựng các kế hoạch tuyên truyền

Câu 483. Những thách thức, mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở nước ta hiện nay?

- A. Hình thành nguy cơ xung đột và chiến tranh
- B. Mất cân bằng về kinh tế các khu vực
- C. Gia tăng các tệ nạn xã hội
- D. Giảm thu ngân sách nhà nước

Câu 484. Nội dung của An ninh phi truyền thống?

- A. Di dân tự do
- B. Các tệ nạn xã hội
- C. An ninh thông tin
- D. Vi phạm luật giao thông

Câu 485. Giải pháp chủ động, tích cực nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Giữ vững an ninh chính trị, vấn đề dân tộc và tôn giáo
- B. Vận động nhân dân phát giác, tố giác

- C. Xây dựng các kế hoạch tuyên truyền
- D. Huy động các nguồn lực ở cơ sở

Câu 486. Giải pháp sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Huy động các nguồn lực ở cơ sở
- B. Vận động nhân dân phát giác, tố giác
- C. Xây dựng các kế hoạch tuyên truyền
- D. Thu hút sự tham gia mọi tầng lớp nhân dân

Câu 487. Giải pháp mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Thông qua đàm phán hoà bình giao
- B. Thông qua thương lượng
- C. Dùng vũ lực của quốc gia
- D. Tăng cường chia sẻ thông tin

Câu 488. Giải pháp huy động nguồn lực tài chính nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Chủ động
- B. Nguồn tài chính xã hội hóa với sự đóng góp của nhân dân
- C. Bị động
- D. Tự phát

Câu 489. Nội dung của An ninh phi truyền thống?

- A. Vấn đề dân tộc
- B. Di dân tự do
- C. Các tệ nạn xã hội
- D. Vi phạm luật giao thông

Câu 490. Giải pháp mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Chia sẻ thành tựu khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực
- B. Thông qua thương lượng
- C. Dùng vũ lực của quốc gia
- D. Thông qua đàm phán hoà bình

Câu 491. Giải pháp huy động nguồn lực tài chính nhằm ứng phó các mối đe dọa của An ninh phi truyền thống?

- A. Lực lượng vũ trang
- B. Quân đội
- C. Công an
- D. Nguồn tài chính quốc tế

Câu 492. Nội dung của An ninh phi truyền thống?

- A. Di dân tự do
- B. Các tệ nạn xã hội

- C. Vấn đề tôn giáo
- D. Vi phạm luật giao thông

Câu 493. Phạm vi tác động của an ninh phi truyền thống?

- A. Ảnh hưởng ở cấp cơ sở
- B. Ảnh hưởng trong một ngành nhất định
- C. Ảnh hưởng mang tính xuyên quốc gia
- D. Ảnh hưởng đến năng lực sản xuất, kinh doanh

Câu 494: Tội phạm được hiểu như thế nào theo qui định của bộ luật hình sự năm 2015 và sửa đổi năm 2017

- a. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội
- b. Phải được quy định trong Bộ luật hình sự,
- c. Do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý
- d. Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý

Câu 495: Theo qui định tại điều 9 Bộ Luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có mấy loại tội phạm

- a. 4
- b. 2
- c. 3
- d. 1

Câu 496: Căn cứ tại điều 9 Bộ Luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nếu phạm tội ít nghiêm trọng thì khung hình phạt cao nhất là bao nhiêu

- a. 4 năm tù
- b. 5 năm tù
- c. 3 năm tù
- d. 7 năm tù

Câu 497: Căn cứ tại điều 9 Bộ Luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nếu phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thì khung hình phạt cao nhất là bao nhiêu

- a. Trên 15 năm tù
- b. Trên 20 năm tù
- c. Trên 15 năm tù, chung thân hoặc tử hình

d. Trên 30 năm

Câu 498: Căn cứ tại điều 9 Bộ Luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nếu phạm tội rất nghiêm trọng thì khung hình phạt cao nhất là bao nhiêu

- a. Đến 10 năm tù
- b. Đến 15 năm tù
- c. Đến 20 năm tù
- d. Đến 25 năm tù

Câu 499: Căn cứ tại điều 9 Bộ Luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nếu phạm tội nghiêm trọng thì khung hình phạt cao nhất là bao nhiêu

- a. 4 năm tù
- b. 6 năm tù
- c. 5 năm tù
- d. 7 năm tù

Câu 500: Theo điều 20 hiến pháp 2013 và chương XIV bộ luật hình sự 2015 thì tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người được hiểu như thế nào

- a. Là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự,
- b. Phải do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện
- c. Thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ về danh dự và nhân phẩm được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ
- d. Là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm tới quyền được tôn trọng và bảo vệ về danh dự và nhân phẩm được Hiến pháp và pháp luật hình sự ghi nhận và bảo vệ

Câu 501: Trong các nội dung sau, nội dung nào là tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác theo điều 20 hiến pháp 2013 và chương XIV bộ luật hình sự 2015

- a. Tội giết người

- b. Tội ăn cắp tài sản
- c. Tội xâm phạm tình dục
- d. Tội buôn bán ma túy

Câu 502: Trong các nội dung sau, nội dung nào là tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác theo điều 20 hiến pháp 2013 và chương XIV bộ luật hình sự 2015

- a. Tội giết người
- b. Tội ăn cắp tài sản
- c. Tội buôn bán ma túy
- d. Tội mua bán người

Câu 503: Trong các nội dung sau, nội dung nào là tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác theo điều 20 hiến pháp 2013 và chương XIV bộ luật hình sự 2015

- a. Tội làm nhục người khác
- b. Tội ăn cắp tài sản
- c. Tội giết người
- d. Tội buôn bán ma túy

Câu 504: Trong các nội dung sau, nội dung nào là tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác theo điều 20 hiến pháp 2013 và chương XIV bộ luật hình sự 2015

- a. Tội giết người
- b. Tội vu khống
- c. Tội ăn cắp tài sản
- d. Tội buôn bán ma túy

Câu 505: Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo BLHS 1999 (Sửa đổi, bổ sung 2009) Việt Nam là vi phạm vào tội nào sau đây

- a. Tội vu khống
- b. Tội làm nhục người khác
- c. Tội mua bán người
- d. Tội xâm phạm tình dục

Câu 506: Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác là vi phạm tội nào sau đây

- a. Tội vu khống

- b. Tội làm nhục người khác
- c. Tội mua bán người
- d. Tội xâm phạm tình dục

Câu 507: Theo BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) của Việt Nam, tội hiếp dâm được quy định tại điều mấy

- a. Điều 110
- b. Điều 111
- c. Điều 112
- d. Điều 113

Câu 508: Theo qui định của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội mua bán người được quy định tại điều mấy

- a. Điều 150
- b. Điều 160
- c. Điều 170
- d. Điều 180

Câu 509: Theo qui định của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội vu khống được quy định tại điều mấy

- a. Điều 155
- b. Điều 156
- c. Điều 157
- d. Điều 158

Câu 510: Theo BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009) Việt Nam về tội làm nhục người khác được quy định tại điều mấy

- a. Điều 120
- b. Điều 121
- c. Điều 122
- d. Điều 123

Câu 512: Các dấu hiệu pháp lý của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người được thể hiện ở những nội dung nào sau đây

- a. Mặt khách quan của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người
- b. Mặt chủ quan của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người
- c. Khách thể và chủ thể của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

- d. Bao gồm cả mặt khách quan , chủ quan , khách thể và chủ thể của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người

Câu 513: Chủ thể của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người là ai theo qui định của Bộ luật hình sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2017

- a. Là người đủ 18 tuổi trở lên
- b. Là người có năng lực trách nhiệm hình sự
- c. Là người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện
- d. Các pháp nhân thương mại thực hiện

Câu 514: Khách thể của các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của con người theo qui định của Bộ luật hình sự năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2017 là :

- a. Tính mạng con người
- b. Tài sản của con người
- c. Sức khỏe của con người
- d. Danh dự, nhân phẩm của con người

Câu 515: Khó khăn trong công tác phòng ngừa tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người ở Việt Nam hiện nay là:

- a. Đội ngũ cán bộ còn mỏng, cơ sở vật chất còn hạn chế, sự phối hợp chưa nhịp nhàng giữa các cơ quan chức năng
- b. Cơ sở vật chất còn hạn chế
- c. Sự phối hợp chưa nhịp nhàng giữa các cơ quan chức năng
- d. Đội ngũ cán bộ còn mỏng

Câu 516 : Công tác phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm được tiến hành theo mấy hướng cơ bản :

- a. 3
- b. 4
- c. 1
- d. 2

Câu 517: Chủ thể trong công tác phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác bao gồm :

- a. Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp và Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp
- b. Các cơ quan bảo vệ pháp luật
- c. Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp, Chính phủ và ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan bảo vệ pháp luật, các tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng tự quản và công dân
- d. Các tổ chức xã hội, tổ chức quần chúng tự quản và công dân

Câu 518: Có mấy nội dung trong hoạt động phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác:

- a. 4
- b. 2
- c. 1
- d. 3

Câu 519: Có mấy biện pháp chính trong phòng ngừa tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

- a. 3
- b. 2
- c. 4
- d. 1

Câu 520: Trách nhiệm của sinh viên trong việc đấu tranh phòng ngừa các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác

- a. Ký cam kết không tham gia vào các hoạt động xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác
- b. Phát hiện các hành vi vi phạm báo lên cơ quan chức năng
- c. Tham gia vào các hoạt động xung kích bảo vệ nhà trường và kỷ túc xá
- d. Ký cam kết không tham gia vào các hoạt động xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác, phát hiện các hành vi vi phạm báo lên cơ quan chức năng, tham gia vào các hoạt động xung kích bảo vệ nhà trường và kỷ túc xá

Câu 521: Theo qui định của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác thì khung hình phạt là :

- a. Phạt cảnh cáo
- b. Phạt tiền từ 10 triệu đến 50 triệu
- c. Phạt cải tạo không giam giữ 3 năm
- d. Phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm

Câu 522: Theo qui định của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 phạm tội với người bao nhiêu tuổi thì gọi là tội phạm tình dục

- a. Dưới 16 tuổi
- b. 17 tuổi
- c. 18 tuổi
- d. 19 tuổi

Câu 523: Tội xâm hại danh dự, nhân phẩm của con người được qui định ở bộ luật nào sau đây

- a. Bộ luật dân sự
- b. Bộ luật kinh tế
- c. Bộ luật hình sự
- d. Bộ luật tổ tụng dân sự

Câu 524: Cơ quan chức năng nào sẽ tham gia vào việc xét xử tội phạm xâm hại đến danh dự, nhân phẩm của con người

- a. Tòa án
- b. Công an
- c. Viện kiểm sát
- d. Công an, tòa án, viện kiểm sát

Câu 525. Bảo vệ môi trường là?

- A. Bảo vệ môi trường là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng
- B. Bảo vệ môi trường là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành
- C. Bảo vệ môi trường là nội dung cơ bản không thể tách rời

- D. Bảo vệ môi trường là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành, là cơ sở quan trọng để phát triển bền vững và thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 526. Vai trò của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường?

- A. Pháp luật có vai trò rất quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường
- B. Pháp luật có vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường
- C. Pháp luật có vai trò cực kì quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường
- D. Pháp luật có vai trò chủ đạo trong công tác bảo vệ môi trường

Câu 527. Môi trường bị hủy hoại chủ yếu là do?

- A. Do biến đổi khí hậu
- B. Sự nóng lên của trái đất
- C. Sự “tác động quá mức” của con người đối với các thành phần cấu tạo nên môi trường tự nhiên
- D. Do thiên tai

Câu 528. Khía cạnh nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường? Pháp luật quy định những quy định mà con người phải thực hiện khi khai thác.

- A. Pháp luật quy định những yếu tố mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần).
- B. Pháp luật quy định những nguyên tắc mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường
- C. Pháp luật quy định những quy tắc xử sự mà con người phải thực hiện khi khai thác và sử dụng các yếu tố (thành phần) của môi trường

Câu 529. Khía cạnh nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường? Pháp luật hình thành hệ thống các quy chuẩn môi trường.

- A. Pháp luật xây dựng tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường

B. Pháp luật xây dựng hệ thống các quy chuẩn môi trường, tiêu chuẩn môi trường để bảo vệ môi trường

C. Pháp luật xây dựng hệ thống các quy chuẩn môi trường.

Câu 530. Khía cạnh nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường?

A. Pháp luật quy định các chế tài hành chính, dân sự buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

B. Pháp luật quy định các chế tài hình sự, kinh tế buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác.

C. Pháp luật quy định các chế tài hình sự, kinh tế, hành chính, dân sự buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

D. Pháp luật quy định các chế tài kinh tế, hành chính, dân sự buộc các cá nhân, tổ chức phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu đòi hỏi pháp luật trong việc khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường.

Câu 531. Khía cạnh nào sau đây là đúng khi nói về vai trò của pháp luật trong bảo vệ môi trường?

A. Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường

B. Pháp luật quy định chức năng, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường

C. Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường

D. Pháp luật quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức.

Câu 532. Tội phạm về môi trường là:

A. Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm

- đến các tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật, mà theo quy định phải bị xử lý hình sự
- B. Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm đến các thành phần của môi trường làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật, mà theo quy định phải bị xử lý hình sự
- C. Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm đến các thành phần của môi trường làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật.
- D. Tội phạm về môi trường là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật dân sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, xâm phạm đến các thành phần của môi trường làm thay đổi trạng thái, tính chất của môi trường gây ảnh hưởng xấu tới sự tồn tại, phát triển con người và sinh vật, mà theo quy định phải bị xử lý hình sự

Câu 533. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là?

- A. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là những hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính
- C. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mà không phải là tội phạm, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính

- D. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là những hành vi vi phạm các quy định quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường do các cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính

Câu 534. Tội phạm về môi trường được quy định tại chương mấy của bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)?

- A. Chương 17
- B. Chương 18
- C. Chương 19
- D. Chương 20

Câu 535. Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) tội phạm về môi trường gồm bao nhiêu tội danh?

- A. 10
- B. 12
- C. 14
- D. 16

Câu 536. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm về môi trường được thể hiện qua mấy yếu tố cấu thành tội phạm?

- A. 4
- B. 6
- C. 8
- D. 10

Câu 537. Nhóm các hành vi gây ô nhiễm môi trường quy định tại các điều nào sau đây trong Bộ luật hình sự hiện hành?

- A. Tại điều 235, 236, 237, 239
- B. Tại điều 235, 236, 237, 238
- C. Tại điều 235, 236, 237, 240
- D. Tại điều 235, 236, 237, 241

Câu 538. Nhóm các hành vi hủy hoại tài nguyên, môi trường quy định tại các điều nào sau đây trong Bộ luật hình sự hiện hành?

- A. Tại điều 243, 244, 245, 246
- B. Tại điều 238, 242, 243, 244,
- C. Tại điều 238, 242, 243, 244, 245, 246
- D. Tại điều 238, 242, 243, 244, 245

Câu 539. Một trong những nguyên nhân, điều kiện làm nảy sinh tội phạm môi trường là?

- A. Sự phát triển “quá nhanh” và “nóng” của kinh tế - xã hội không tính đến yếu tố bảo vệ môi trường của các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội.
- B. Sự phát triển vượt bậc của khoa học và công nghệ
- C. Do phần tử xấu tác động
- D. Sự chủ quan trong nhận thức

Câu 540. Dưới góc độ tội phạm học, phòng ngừa tội phạm và khoa học điều tra hình sự (tiếp cận đối góc độ nhiều chủ thể tham gia) thì phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp, phương tiện nhằm ngăn chặn, hạn chế tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện, loại trừ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; khi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra thì hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả tác hại, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- B. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp, phương tiện nhằm ngăn chặn, hạn chế tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- C. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và công dân bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp, phương tiện nhằm ngăn chặn, hạn chế tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện, loại trừ

các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

- D. Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động các cơ quan nhà nước, bằng việc sử dụng tổng hợp các biện pháp, phương tiện nhằm ngăn chặn, hạn chế tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phát hiện, loại trừ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; khi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường xảy ra thì hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả tác hại, kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Câu 541. Một trong những nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Công tác tuyên truyền
- B. Công tác quản lí
- C. Nắm tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nghiên cứu làm rõ những vấn đề có tính quy luật trong hoạt động vi phạm pháp luật của các đối tượng.
- D. Xử lí nghiêm các hành vi, vi phạm pháp luật về môi trường.

Câu 542. Một trong những nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Công tác tuyên truyền
- B. Công tác quản lí
- C. Xác định và làm rõ các nguyên nhân, điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- D. Xử lí nghiêm các hành vi, vi phạm pháp luật về môi trường.

Câu 543. Một trong những nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Công tác tuyên truyền
- B. Công tác quản lí
- C. Xây dựng các kế hoạch, biện pháp, các giải pháp chủ động hạn chế các nguyên nhân, khắc phục các điều kiện của vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- D. Xử lí nghiêm các hành vi, vi phạm pháp luật về môi trường.

Câu 544. Một trong những nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Công tác tuyên truyền
- B. Công tác quản lí
- C. Tổ chức lực lượng tiến hành các hoạt động khắc phục các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm về môi trường, từng bước kiểm chế, đẩy lùi tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- D. Xử lí nghiêm các hành vi, vi phạm pháp luật về môi trường.

Câu 545. Một trong những nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường là:

- A. Công tác tuyên truyền
- B. Công tác quản lí
- C. Tiến hành các hoạt động điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- D. Xử lí nghiêm các hành vi, vi phạm pháp luật về môi trường.

Câu 546. Một trong những biện pháp phòng, chống (các biện pháp phòng, chống chung) vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường?

- A. Biện pháp tổ chức - hành chính
- B. Biện pháp quân sự
- C. Biện pháp phi quân sự
- D. Biện pháp tâm lí

Câu 547. Biện pháp phòng, chống (các biện pháp phòng, chống chung) vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường?

- A. Biện pháp tuyên truyền, giáo dục
- B. Biện pháp quân sự
- C. Biện pháp phi quân sự
- D. Biện pháp tâm lí

Câu 548. Biện pháp phòng, chống (các biện pháp phòng, chống chung) vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường?

- A. Biện pháp kinh tế
- B. Biện pháp quân sự
- C. Biện pháp phi quân sự

D. Biện pháp tâm lí

Câu 549. Biện pháp phòng, chống (các biện pháp phòng, chống chung) vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường?

- A. Biện pháp pháp luật
- B. Biện pháp quân sự
- C. Biện pháp phi quân sự
- D. Biện pháp tâm lí

Câu 550. Trách nhiệm của các nhà trường trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường ?

- A. Tổ chức học tập, nghiên cứu và tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, giảng viên và sinh viên tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- B. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn như ngành Tài nguyên và Môi trường, Công an (Cảnh sát môi trường), Thông tin truyền thông,... tổ chức các buổi tuyên truyền, tọa đàm trao đổi, các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ môi trường và phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.
- C. Tham gia tích cực và hưởng ứng các chương trình, hành động về bảo vệ môi trường do Nhà nước, các Bộ ngành phát động.
- D. Cả A,B,C đều đúng

Câu 551. Trách nhiệm của các nhà trường trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường ?

- A. Xây dựng các phong trào bảo vệ môi trường như: “Vì môi trường xanh - sạch - đẹp”, “Phòng, chống rác thải nhựa”,... và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về môi trường và pháp luật về bảo vệ môi trường trong nhà trường.
- B. Xây dựng đội tình nguyện vì môi trường, thành lập các câu lạc bộ vì môi trường và tiến hành thu gom, xử lý chất thải theo quy định (rác thải, nước thải,...).
- C. Cả A,B đều đúng
- D. Cả A,B,C đều sai

Câu 552. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường ?

- A. Nắm vững các quy định của pháp luật phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- B. Xây dựng ý thức trách nhiệm trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên (nước, năng lượng,...);
- C. Cả A,B đều sai
- D. Cả A,B đều đúng

Câu 553. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường ?

- A. Tham ra tích cực trong các phong trào về bảo vệ môi trường.
- B. Xây dựng văn hóa ứng xử, ý thức trách nhiệm với môi trường như sống thân thiện với môi trường xung quanh; tích cực trồng cây xanh; hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông cá nhân để bảo vệ môi trường không khí; tham gia thu gom rác thải tại nơi sinh sống và học tập
- C. Cả A, B đều đúng
- D. Cả A, B, C đều sai

Câu 554. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác phòng, chống vi phạm pháp luật về môi trường ?

- A. Nắm vững các quy định của pháp luật phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;
- B. Xây dựng ý thức trách nhiệm trong các hoạt động bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên (nước, năng lượng,...);
- C. Xây dựng văn hóa ứng xử, ý thức trách nhiệm với môi trường như sống thân thiện với môi trường xung quanh; tích cực trồng cây xanh; hạn chế sử dụng các phương tiện giao thông cá nhân để bảo vệ môi trường không khí; tham gia thu gom rác thải tại nơi sinh sống và học tập
- D. Cả A,B,C đều đúng

